

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM HỒNG HẢI

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ
TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Dân sự

Mã số: 60 38 30

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Thị Quế Anh

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn là đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2013

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Phạm Hồng Hải

MỤC LỤC

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
MỞ ĐẦU	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu	4
3. Kết cấu của luận văn	4
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO HỘ	
QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	5
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ	5
1.1.1. Khái niệm quyền tác giả.....	5
1.1.2. Nội dung quyền tác giả	8
1.2 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ	
BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ	
THUẬT SỐ	11
1.2.1 Khái quát chung về môi trường kỹ thuật số.....	11
1.2.2 Sự cần thiết của việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	14
1.3 CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN VỀ BẢO HỘ	
QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	16
1.4 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ	
QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	19
1.4.1 Trước khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành	19
1.4.2 Từ khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành	20

Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG.....	26
2.1. NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH CỦA QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	26
2.1.1. Đối tượng bảo hộ quyền tác giả	26
2.1.2. Chủ thể của quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	30
2.1.3. Cơ chế bảo hộ quyền tác giả	36
2.1.4. Nội dung quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	36
2.1.5. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	43
2.2. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG TỪ SAU KHI LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐƯỢC BAN HÀNH ĐẾN NAY	45
2.2.1. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	45
2.2.2. Thực tiễn áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	51
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ	75
3.1. NHU CẦU CẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	76
3.1.1. Xuất phát từ nhu cầu hội nhập quốc tế.....	76
3.1.2. Xuất phát từ nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam	76
3.1.3. Xuất phát từ nhu cầu bảo hộ quyền tác giả đối với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả	78

3.2.	CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆC HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	79
3.2.1.	Sự cần thiết ban hành một văn bản pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.....	79
3.2.2.	Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.....	79
3.3.	CÁC KIẾN NGHỊ CHỦ YẾU ĐỐI VỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ	80
3.3.1.	Nâng cao năng lực kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	80
3.3.2.	Nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng.....	81
3.3.3.	Nâng cao năng lực xét xử của Tòa án trong giải quyết tranh chấp và xét xử các vụ án về xâm phạm quyền tác giả trong môi trường KTS.....	82
3.3.4.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo hộ và bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.....	83
	KẾT LUẬN	86
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

SHTT:	Sở hữu trí tuệ
BLDS:	Bộ luật dân sự
QTG:	Quyền tác giả
MTKTS:	Môi trường kỹ thuật số
PC:	Personal Computer (Máy tính cá nhân)
PDA:	Personal Digital Assistant (Thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân)
Công ước Berne:	Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật 1886
Hiệp định TRIPS:	Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (AGREEMENT ON TRADE – RELATED ASPECTS OF IPR – TRIPS)
Hiệp ước WIPO:	Hiệp ước của WIPO về Quyền tác giả (WCT) (1996) với Các tuyên bố đã được thông qua của Hội nghị ngoại giao thông qua Hiệp ước và Các quy định của Công ước Berne (1971) dẫn chiếu trong Hiệp ước
Công ước UCC:	Công ước toàn cầu về bản quyền
CD:	Compact disk (đĩa Compact)
EU:	European Union (Liên minh châu Âu)

MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề

1.1 Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng trở nên đặc biệt quan trọng và bao giờ cũng là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia. Chưa bao giờ các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) lại đặt ra gay gắt, cấp bách như hiện nay.

Trí tuệ vốn là tài sản của công dân, vì vậy, bản thân các quan hệ của quyền tác giả, quyền tác giả quyết định nội dung pháp luật bảo hộ nó. Thực tế cho thấy, hiện nay, tình trạng vi phạm bản quyền diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực với các hình thức và mức độ khác nhau, nhất là trong lĩnh vực âm nhạc số, sách điện tử (Ebook), báo điện tử,... Tình trạng này gây thiệt hại và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sáng tạo, môi trường đầu tư, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong môi trường kỹ thuật số hiện nay ngày càng phát triển và được sử dụng rộng rãi trong đó có quyền tác giả. Tính chất "lan truyền" nhanh của môi trường này đã tạo cơ hội cho người sử dụng tiếp cận quyền tác giả một cách nhanh nhất, song các hành vi xâm phạm quyền tác giả trong lĩnh vực này cũng khá phổ biến, dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong thời gian qua Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để bảo hộ, nhưng thực tiễn áp dụng chưa mang lại hiệu quả cao.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn: "***Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo pháp luật Việt Nam***" để làm đề tài cho luận văn cao học luật của mình.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu tổng quát

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của vấn đề bảo hộ quyền tác giả, quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay. Qua đó làm sáng tỏ các luận cứ khoa học về bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng. Trên cơ sở đó, xây dựng và kiến nghị một số giải pháp để hoàn thiện quy định về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số của Việt Nam hiện nay.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Để đạt được những mục đích trên, đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

- + Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về bảo hộ quyền tác giả.
- + Đánh giá toàn diện về thực trạng hoạt động bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số ở nước ta hiện nay.
- + Tìm ra những hạn chế, bất cập trong các quy định về bảo hộ quyền tác giả hiện nay ở nước ta.
- + Đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện vào hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng.
- + Đáp ứng yêu cầu bảo hộ quyền tác giả và nhu cầu phát triển kinh tế, nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

1.3 Tính mới và những đóng góp của đề tài

Việc tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống các chính sách, quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số ở nước ta trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới là điều cần thiết để góp phần hoàn thiện

hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ quyền tác giả, mà cụ thể là quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng.

Thông qua việc nghiên cứu đề tài, mong muốn được đóng góp:

- Mang lại cách nhìn tổng quan và cụ thể các vấn đề khoa học pháp lý liên quan đến hoạt động sử dụng bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số hiện nay.

- Đưa ra và luận giải một số quan điểm cơ bản về tình trạng vi phạm bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số hiện nay ở nước ta.

- Qua việc nghiên cứu, phân tích những khó khăn, thách thức, cách nhìn nhận về vai trò và vị trí của việc sử dụng các quyền tác giả, quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số ở nước ta từ đó nhằm nâng cao dần ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức sử dụng các tác phẩm trong đời sống.

- Mong muốn mang lại một cái nhìn mới về việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Góp phần vào công cuộc bảo vệ, chống vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số hiện nay ở nước ta. Sẽ góp phần hoàn chỉnh hành lang pháp lý, đảm bảo an toàn, khuyến khích và bảo hộ có hiệu quả các hoạt động sáng tạo cũng như thu hút sự đầu tư.

1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), quyền tác giả là một quyền rộng bao gồm nhiều đối tượng trong các lĩnh vực như: văn học, nghệ thuật, khoa học... Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của đề tài này chỉ tập trung việc phân tích, làm rõ các quy định của quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo pháp luật Việt Nam {Bộ luật Dân sự (BLDS) 2005, Luật SHTT 2005 và các văn bản pháp luật khác có liên quan}, song song với việc nghiên cứu thực trạng thi hành các quy định đó hiện nay được thực hiện như thế nào.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1 Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về bảo hộ quyền tác giả. Đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Tìm ra những hạn chế, bất cập cần phải khắc phục và đưa ra các giải pháp trong các quy định về bảo hộ quyền tác giả hiện nay ở nước ta.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật.

- Các phương pháp cụ thể: phân tích, so sánh, thống kê, tổng hợp.

3. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả.

Chương 2: Những nội dung cơ bản của bảo hộ quyền tác giả đối với môi trường kỹ thuật số theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực thi.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

1.1.1. Khái niệm quyền tác giả

Mục đích chung nhất của hoạt động bảo hộ quyền tác giả là khuyến khích các hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học. Sản phẩm của quá trình này là các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học. Vì vậy, hoạt động bảo hộ quyền tác giả một cách tương xứng và có hiệu quả trong một quốc gia sẽ có vai trò quan trọng trong việc làm giàu và phong phú nền di sản văn hóa đất nước, góp phần đáng kể vào công cuộc phát triển kinh tế, thương mại, văn hóa, giáo dục quốc gia. Thực tế chứng minh là tại các quốc gia có nền công nghiệp bản quyền phát triển thì đều có đóng góp rất lớn vào nền kinh tế quốc dân, có khi chiếm tỷ trọng tới 10% GDP. Vì thế mà khuyến khích hoạt động sáng tạo trí tuệ, phổ biến các sáng tạo đó là điều kiện thiết yếu đối với quá trình phát triển kinh tế. Số lượng sáng tạo trí tuệ của một quốc gia càng nhiều thì quốc gia đó càng có điều kiện để phổ biến các giá trị trí tuệ đó trong và ngoài nước thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp sách báo, băng đĩa ghi âm, ghi hình, công nghiệp giải trí,...

Do vậy, cùng với việc khuyến khích hoạt động sáng tạo, hoạt động bảo hộ còn dành sự khuyến khích xứng đáng, cổ vũ cho nguồn nhân lực chuyên nghiệp thực hiện việc phổ biến và quảng bá các sản phẩm trí tuệ đã có sự đầu tư thời gian và các nguồn lực tài chính khác phục vụ cho công việc đó.

Pháp luật có vai trò quan trọng trong hoạt động bảo hộ quyền tác giả. Hoạt động bảo hộ quyền tác giả được hiểu là việc quy định thông qua pháp luật các quyền hoặc một số ngăn cấm các hành vi phi pháp cụ thể, vì lợi ích

của các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả khác, nhằm đảm bảo những quyền lợi hợp lý và chính đáng của các chủ thể nhất định đối với tác phẩm, đặc biệt là trong trường hợp các chủ thể khác trong xã hội sử dụng các đối tượng này. Bảo hộ quyền tác giả một cách hoàn chỉnh có nghĩa là trao hiệu lực cho các quyền nói trên và xử lý các hành vi vi phạm thông qua các chế tài phù hợp và áp dụng các biện pháp thi hành trong hoạt động tố tụng chống vi phạm đối với các hành vi xâm hại đến những quyền lợi hợp pháp của các chủ thể quyền.

Quyền tác giả nói chung được hiểu là quyền nhân thân và tài sản đối với một tác phẩm của tác giả mà tác phẩm đó là kết quả của hoạt động sáng tạo của chính mình, như: quyền sao chép tác phẩm và quyền phân phối hoặc phổ biến các tác phẩm đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện nào và cũng còn được hiểu là quyền về việc cho phép người khác sử dụng các tác phẩm theo những cách thức cụ thể. Có những trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả thì chỉ có các quyền nhân thân không gắn với tài sản.

Hầu hết pháp luật về quyền tác giả của các quốc gia đều phân biệt rõ giữa quyền kinh tế và quyền tinh thần, hai loại quyền này hợp lại thành quyền tác giả. Thông thường có những hạn chế nhất định do pháp luật đặt ra như về loại hình tác phẩm đủ tiêu chuẩn bảo hộ và về việc thực thi các quyền của các tác giả bao hàm trong Quyền tác giả. Khái niệm này được đề cập tại Công ước BERNE, Điều 2(3) Công ước Quyền tác giả toàn cầu (UCC), Điều I Công ước ROME, Điều I Công ước bản ghi âm, Điều 3 Mẫu Tunis, Điều 11(2) và mẫu ROME, Điều 1[7],[9],[10].

Theo luật quyền tác giả, các quyền thuộc quyền tác giả gồm các quyền cấu thành nội hàm của quyền tác giả đối với tác phẩm về các phương thức hoặc các khía cạnh khác nhau của việc sử dụng tác phẩm. Nó được xác định rõ trong luật quyền tác giả về các hành vi quan trọng nhất mà dựa vào đó chủ sở hữu quyền tác giả cần phải được bảo hộ. Thông qua việc thi hành các

quyền đó, chủ thể sở hữu quyền có thể tự khai tác phẩm hoặc cho phép những chủ thể khác trong xã hội làm công việc đó. Ngoài các quyền kinh tế và quyền tinh thần này, cũng có các quyền tác giả tới cả hai loại quyền đó, như quyền về phóng tác hoặc về dịch, thuộc nhóm quyền làm tác phẩm phái sinh, phản ánh các quyền lợi liên quan đến tới sự toàn vẹn của tác phẩm gốc và các quyền lợi kinh tế về việc khai thác tác phẩm đó dù là dưới hình thức đã được phóng tác, cải biên, chuyển thể, chuyển ngữ (Công ước BERNE, Điều 1; Công ước Quyền tác giả Toàn cầu (UCC) , Điều I) [7],[10].

Chủ sở hữu của quyền tác giả được hiểu chung là chủ thể mà quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về người đó. Chủ sở hữu quyền tác giả nguyên thủy theo thông lệ chung và ngoài trừ một vài trường hợp đặc biệt thay đổi theo các luật quyền tác giả khác nhau, là tác giả, người chiếm hữu quyền tác giả theo luật trên cơ sở sáng tạo ra tác phẩm. Một số luật quyền tác giả cho phép chuyển giao toàn bộ hoặc một phần Quyền tác giả và lúc đó người được chuyển giao sẽ trở thành chủ sở hữu toàn bộ hoặc một phần Quyền tác giả đã được chuyển giao (Công ước BERNE, Điều 14 bis (1); công ước Quyền tác giả Toàn cầu (UCC) , Điều V(2); mẫu Tunis, Điều II) [7],[10].

Như vậy, có thể hiểu Quyền tác giả hay tác quyền (tiếng Anh: copyright) là độc quyền của một tác giả cho tác phẩm của người này. Quyền tác giả được dùng để bảo vệ các sáng tạo tinh thần có tính chất văn hóa (cũng còn được gọi là tác phẩm) thí dụ như các bài viết về khoa học hay văn học, sáng tác nhạc, ghi âm, tranh vẽ, hình chụp, phim và các chương trình truyền thanh. Quyền này bảo vệ các quyền lợi cá nhân và lợi ích kinh tế của tác giả trong mối liên quan với tác phẩm này. Quyền tác giả không cần phải đăng ký và thuộc về tác giả khi một tác phẩm được ghi giữ lại ít nhất là một lần trên một phương tiện lưu trữ. Quyền tác giả thông thường chỉ được công nhận khi sáng tạo này mới, có một phần công lao của

tác giả và có thể chỉ ra được là có tính chất duy nhất. Quyền tác giả được quy định khác nhau trong các nước trên thế giới.

1.1.2. Nội dung quyền tác giả

Nội dung quyền tác giả bao gồm các quyền của các chủ thể tham gia QHPLDS này, cụ thể là của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả. Đó cũng là trọng tâm của sự ra đời luật bảo hộ quyền tác giả. Như vậy quyền tác giả không chỉ đơn thuần là quyền của tác giả mà còn là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả. Hiện nay, quyền tác giả được tập trung lại thành hai mảng lớn: quyền nhân thân và quyền tài sản.

- Quyền nhân thân

Quyền nhân thân bao gồm quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản là những quyền gắn liền với các giá trị nhân thân của tác giả và không thể chuyển giao, bao gồm ba quyền: quyền được đặt tên tác phẩm, đứng tên tác phẩm và bảo vệ sự toàn vẹn của nội dung tác phẩm. Nếu chúng ta ví tác phẩm là đứa con tinh thần của tác giả, thì các quyền nhân thân này cũng tương tự quyền của cha mẹ được đặt tên cho con, nhận con và bảo vệ chăm sóc con cái. Vì là quyền nhân thân không được chuyển giao nên nó chỉ được dành cho tác giả (cho dù đồng thời hay không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả). Các quyền này ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và danh dự của tác giả, tồn tại một cách độc lập đối với quyền tài sản, gắn liền với tác giả kể cả khi quyền sử dụng, định đoạt tác phẩm đã được chuyển giao. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản được bảo hộ vô thời hạn, khác với những quyền khác được bảo hộ có thời hạn[23].

Về quyền bảo vệ sự toàn vẹn nội dung của tác phẩm, là quyền bảo vệ sự toàn vẹn liên quan đến "nội dung tác phẩm".

Mặc dù quyền nhân thân không gắn với tài sản cũng là quyền quan

trọng, nhưng quyền quan trọng nhất trong tất cả các nội dung của quyền tác giả là các quyền nhân thân gắn với tài sản. Đó là quyền cho hay không cho người khác sử dụng tác phẩm. Chính từ này làm phát sinh bản chất độc quyền của quyền tác giả. Nhiều ý kiến cho rằng, trước kia khi chưa có quyền tác giả vẫn có nhà văn, nhạc sỹ, nhà khoa học. Họ có quyền đặt tên, đứng tên, bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, sử dụng tác phẩm hay nhận thù lao, giải thưởng. Nay có quyền tác giả, thì cũng chính những người đó có những quyền này, chẳng có gì khác. Hay nói khác đi, các chế định về quyền tác giả không mang lại cho các chủ thể nhiều quyền hơn cái bản thân họ từ trước đến nay vẫn có. Nhận xét trên không sai nếu chúng ta quên mất một quyền của tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả, đó là quyền cho hay không cho người khác sử dụng tác phẩm, vì thế nó chỉ dành cho chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả nếu như tác giả cũng đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả.

- Quyền tài sản

Theo luật Việt Nam, quyền tài sản bao gồm quyền sử dụng và quyền được khai thác tác phẩm dưới các hình thức do pháp luật quy định và chuyển giao các quyền này cho những người khác. Thông thường chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng quyền sử dụng, còn tác giả được hưởng thù lao, giải thưởng. Quyền sử dụng bao gồm quyền làm tác phẩm phái sinh như cải biên, chuyển thể; biểu diễn tác phẩm trước công chúng, công bố, phổ biến, trình diễn; sao chép; truyền đạt bằng các phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến, mạng thông tin điện tử bằng cách ghi âm, ghi hình, phát thanh truyền hình; cho thuê tác phẩm. Các quyền này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện. Mọi hành vi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền nêu trên đều phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả [23].

Các hành vi sử dụng tác phẩm quan trọng nhất bao gồm:

- Sao chép và phân phối, bán tác phẩm: hành vi sao chép có thể bao gồm sao chép toàn bộ tác phẩm hay một phần quan trọng của tác phẩm. Sao chép khác với trích dẫn. Trích dẫn là việc sử dụng một phần tác phẩm (không đáng kể) của người khác để nêu bật ý tác giả. Việc trích dẫn phải không đơn thuần vì mục đích kinh doanh, không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng bình thường tác phẩm và phải nêu nguồn gốc tác phẩm. Các hành vi sử dụng không phải là trích dẫn đều có thể bị coi là sao chép và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả. Sao chép có thể tiến hành dưới dạng trực tiếp (chẳng hạn như thu băng đĩa, photocopy, sao phần mềm trên ổ cứng máy vi tính) hay dưới dạng gián tiếp (như dùng máy ghi âm, máy quay phim để ghi âm, ghi hình buổi hoà nhạc hay một bộ phim chiếu ở rạp).

- Công bố, phổ biến, phát thanh, truyền hình: quyền này còn được gọi là quyền "truyền thông đến công chúng" bao gồm các hành vi trình diễn, phân phối tác phẩm đến một số lượng đáng kể người sử dụng. Như bao gồm trình diễn một vở kịch hay một buổi hoà nhạc, phát hành một đĩa nhạc. Việc đưa một tác phẩm lên mạng ngày nay cũng được coi là truyền thông đến công chúng.

- Dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, tuyển tập, chú giải (còn gọi là làm tác phẩm phái sinh). Khi một người muốn dịch, cải biên, chuyển thể một tác phẩm, họ phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả gốc, bởi vì những hành vi kể trên là những hành vi sử dụng tác phẩm, mà chủ sở hữu quyền tác giả có quyền cho hay không cho (Điều 738 BLDS). Ngoài ra, khi một nhà xuất bản muốn phát hành một tác phẩm viết, cũng phải xin chấp thuận của chủ sở hữu quyền tác giả. Mọi hành vi sử dụng tác phẩm mà không được sự đồng ý từ trước của chủ sở hữu quyền tác giả đều bị coi là xâm phạm quyền tác giả (trừ các trường hợp sử dụng hạn chế do pháp luật quy định). Tác phẩm dịch,

phóng tác, cải biên, chuyển thể được coi là những tác phẩm riêng, khác với tác phẩm gốc.

1.2 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

1.2.1 Khái quát chung về môi trường kỹ thuật số

1.2.1.1 Khái niệm kỹ thuật số

Kỹ thuật số là kiểu tín hiệu và định dạng dữ liệu trong ngành điện tử, sử dụng các trạng thái rời rạc khác với tương tự, dùng những thay đổi liên tục của tín hiệu.

- Các tín hiệu số tồn tại như các chuỗi số theo thời gian. Thường sử dụng các bit (số) “0” và “1”.

- **Bit** (viết tắt **b**) là đơn vị thông tin. Bit có thể nhận 2 giá trị 0 hoặc 1. Nó có thể được biểu diễn theo nhiều cách khác nhau. Có thể là trạng thái đóng hay mở của mạch điện, một vết khắc bằng tia laser trên bề mặt đĩa CD,... . Các bit có thể dùng để thể hiện số tự nhiên trong hệ nhị phân.

- Từ số còn dùng để chỉ phương pháp lưu trữ dữ liệu ở dạng số (nhị phân). Ví dụ hình ảnh kỹ thuật số - nghĩa là hình được lưu trữ ở dạng số, tức các màu được mô tả bằng các bit.

- Hệ nhị phân (hay hệ đếm cơ số 2) là một hệ đếm dùng hai ký tự để biểu đạt một giá trị số, bằng tổng số các lũy thừa của 2. Hai ký tự đó thường là 0 và 1; chúng được dùng để biểu đạt hai giá trị hiệu điện thế tương ứng (có hiệu điện thế hoặc hiệu điện thế cao là 1 và không có, hoặc thấp là 0). Do có ưu điểm tính toán đơn giản, dễ dàng thực hiện về mặt vật lý, chẳng hạn như trên các mạch điện tử, hệ nhị phân trở thành một phần kiến tạo căn bản trong các máy tính hiện nay.

Như vậy kỹ thuật số được hiểu là mô tả được hiện tượng tự nhiên bằng một chuỗi theo thời gian của hai mức luận lý 0 và 1. Tính năng của kỹ thuật số có những ưu điểm như sau:

Thứ nhất là đơn giản trong lưu trữ. Thay vì ghi âm ghi hình phức tạp bằng nhiều mức trong các băng từ tính như băng video, băng cassette... người ta chỉ cần ghi bằng cách đục các lỗ để tượng trưng cho luận lý 0 và 1. Đĩa CD, VCD và DVD theo nguyên tắc này. Người ta đục lỗ rồi cho tia laser chiếu qua để đọc lại dữ liệu.

Thứ hai là giao tiếp từ xa. Thay vì phát thanh truyền hình phải xử lý tín hiệu ở nhiều mức, gây méo mó, nghẹt tiếng, sai màu... bây giờ chỉ còn truyền hai mức 0 và 1 để truyền, hình ảnh âm thanh được giữ nguyên gốc.

Thứ ba là biến hóa. Các chuỗi luận lý 0 và 1 dễ dàng được các nhà toán học xử lý biến hóa vô cùng. Các mạch lọc số cho ra các âm thanh vòm (surround) đủ các kiểu nghe rất hấp dẫn và hoành tráng. Các phương thức xử lý ảnh số cho ra vô vàn các ảnh ghép, các kỹ xảo truyền hình mà tín hiệu tương tự không thể làm được.

1.2.1.2 Về môi trường kỹ thuật số

Môi trường kỹ thuật số hiểu theo nghĩa phổ quát nhất là chỉ tất cả tổ hợp các yếu tố bên ngoài, bao trùm của một hệ thống kiểu tín hiệu và định dạng dữ liệu dựa trên thuật số, ở dạng nhị phân với đơn vị là các bit, dùng hai ký tự để biểu đạt một giá trị số (số), “0” và “1”, trên cơ sở tổng số các lũy thừa của 2, để định dạng các kiểu tín hiệu và dữ liệu được mô tả bằng các bit. Chúng tác động lên hệ thống này và xác định xu hướng và tình trạng của nó.

Hiện nay, kỹ thuật số đã thâm nhập và ứng dụng vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội: máy tính cá nhân – PC, máy tính xách tay – Laptop, máy ảnh kỹ thuật số - Digital camera, máy nghe nhạc kỹ thuật số - Ipop, máy quay phim kỹ thuật số, điện thoại kỹ thuật số - Iphone, PDMA, máy chơi Games, máy xem phim kỹ thuật số, truyền hình kỹ thuật số, Internet, thư điện tử, trò chuyện trực tuyến, công cụ tìm kiếm trực tuyến, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, âm nhạc, truyền hình trực tuyến, thương mại điện tử -

eCommerce, giáo dục điện tử - eEducation, giáo dục từ xa – Distance learning, các phương tiện sao lưu giữ kỹ thuật số, các thiết bị kỹ thuật số, ngôi nhà số... tất cả đã thâm nhập và chiếm lĩnh mọi mặt của đời sống.

1.2.1.3 Khái niệm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Đứng trước các thách thức to lớn và mạnh mẽ như vậy của công nghệ kỹ thuật số thì pháp luật quyền tác giả đã có những đổi mới gì để đáp lại đầy đủ những tiến bộ khoa học, kỹ thuật đó mà vẫn đảm bảo được các giá trị pháp lý truyền thống và sự cân bằng tốt đẹp hiện có giữa các nhà sáng tạo, đầu tư với công chúng sử dụng. Liệu trong môi trường kỹ thuật số có thực sự cần thiết mở rộng khái niệm hay nội hàm các quyền thuộc quyền tác giả tương ứng với việc mở rộng các hạn chế và ngoại lệ đối với các quyền mới này hay không. Có cần thiết phải xây dựng một văn kiện quốc tế mới điều chỉnh hoạt động khai thác, sử dụng tác phẩm trong môi trường mới mẻ và phức tạp này ở cấp độ quốc tế không.

Việc này đã được tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) khởi xướng từ những năm đầu của thập niên 1990 song hành với sự bùng nổ của công nghệ thông tin số hóa từ công tác trụ bị cho việc soạn thảo văn kiện mới về vấn đề này.

Trong môi trường kỹ thuật số các quyền tác giả rất dễ dàng bị vi phạm nếu chúng được đưa vào và truyền thông qua các hệ thống mạng kỹ thuật số tương tác. Cộng đồng quyền tác giả hiện nay mong muốn khai thác các sản phẩm trí tuệ của mình theo cách thức là có thể đưa các sản phẩm này lên mạng và nhận được phí của người sử dụng. Trong chừng mực nào đó, việc thu hút các dịch vụ sở hữu trí tuệ trên cơ sở có thu phí phụ thuộc rất nhiều vào việc quản lý có hiệu quả các quyền này.

Trong khi đó, chỉ một chiếc máy tính nối internet, người dùng internet có thể khai thác, sử dụng hàng loạt sản phẩm trí tuệ - các tác phẩm nhiếp ảnh,

âm nhạc, văn học, nghệ thuật, khoa học một cách dễ dàng thông qua các trang web mà không cần biết đến tác giả của chúng.

1.2.2 Sự cần thiết của việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Sự phát triển như vũ bão của khoa học tiên tiến đã cho thấy sự cần thiết phải có những cách nhìn và phương thức mới trong việc bảo hộ quyền tác giả. Khác với việc bảo hộ quyền tác giả trên các phương tiện nghe nhìn khác, bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số thật sự khó khăn, là một thách thức to lớn đối với cả tác giả lẫn các cơ quan quản lý nhà nước về công tác bảo hộ quyền tác giả, bởi lẽ môi trường kỹ thuật số là một môi trường “ảo” thông qua mạng Internet và các trình duyệt Web. Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số xuất phát từ những lý do sau đây:

- *Thứ nhất là dưới góc độ kỹ thuật:* Sự hình thành và phát triển của pháp luật về quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung luôn gắn chặt với sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Môi trường kỹ thuật số tạo cơ hội cho người sử dụng tiếp cận các tác phẩm nhanh nhất, đồng thời cũng làm gia tăng quy mô của hoạt động sao chép, vi phạm quyền tác giả.

Kỹ thuật số, công nghệ số mang đến cơ hội mới trong cách thức thể hiện tác phẩm, đồng thời đã làm thay đổi cách thức lưu giữ tác phẩm, bản ghi âm, chương trình phát sóng, dạng vật chất chứa đựng tác phẩm thay đổi. Các quan niệm về bản gốc, bản sao, tác phẩm đã được thêm vào các khái niệm mới.

Số lượng người sử dụng nhiều nhất, đồng thời trong cùng một lúc như Internet (google), Ebook,... dẫn đến rất khó kiểm soát việc sử dụng và vi phạm đến quyền tác giả trong môi trường này.

Ngoài ra, sự bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số còn do

đòi hỏi của sự phát triển của các phương tiện sao lưu kỹ thuật số, do sự phát triển của công nghệ nén dữ liệu...

Với những thành tựu sáng tạo của công nghệ thông tin, con người có thể tiếp cận, khai thác, sử dụng dễ dàng các nguồn thông tin, điều này đồng nghĩa với việc vi phạm quyền tác giả cũng có thể xảy ra một cách dễ dàng và phổ biến.

- Thứ hai là dưới góc độ kinh tế: Hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số khá phổ biến, khó phát hiện việc xâm phạm quyền tài sản của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả.

Đối với việc bảo hộ quyền tác giả nói chung, hành vi vi phạm quyền tác giả vi phạm kỷ cương, trật tự trong quản lý nhà nước, gây thiệt hại về kinh tế, xã hội. Đối với một tác giả hay chủ sở hữu quyền tác giả cụ thể, nếu đối tượng của hành vi vi phạm là tác phẩm thì hành vi quyền tác giả gây thiệt hại về kinh tế cho tác giả (chủ sở hữu quyền tác giả) do không thu được tiền quyền tác giả hoặc thu được ít hơn. Đối với tác giả, hành vi vi phạm quyền tác giả là hành vi tước đoạt lợi ích kinh tế của tác giả (chủ sở hữu quyền tác giả) mà lẽ ra tác giả có thể thu được khi cho phép sử dụng tác phẩm; xâm phạm quyền tác giả còn gây thiệt hại cho nhà nước vì không thu được thuế, đồng thời thường đi kèm với việc sử dụng lợi nhuận bất chính cho hoạt động tội phạm khác. Và trên thực tế, việc phát hiện, đấu tranh chống nạn xâm phạm quyền tác giả, đặc biệt bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phức tạp khó khăn hơn.

Đã đến lúc cần thay đổi thói quen sử dụng, khai thác các tác phẩm, thành quả sáng tạo của người khác mà không cần xin phép, không cần trả thù lao. Từ phía các cơ quan chức năng, cần có những chính sách, cơ chế phù hợp, chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sáng tạo, có như vậy mới có thể khuyến khích được hoạt động sáng tạo. Từ phía công chúng

nói chung, cần có ý thức tôn trọng thành quả sáng tạo của người khác. Cần hình thành tâm lý tôn trọng quyền tác giả khi sử dụng, khai thác tác phẩm của người khác, coi việc trả tiền bản quyền là một nghĩa vụ đương nhiên phải thực hiện. Đây không phải là vấn đề có thể giải quyết "ngày một ngày hai", tuy nhiên đã đến lúc phải đưa ra những quyết sách mạnh mẽ và xây dựng lộ trình giải quyết. Có như vậy, chúng ta mới có thể nghĩ đến một thị trường bản quyền lành mạnh, tạo nền tảng cho việc hội nhập ngày một sâu rộng với thế giới và tránh những thiệt thòi không đáng có.

1.3 CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

- Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật

Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật được ký kết tại Bern - Thụy Sĩ vào ngày 09/9/1886, có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 26 tháng 10 năm 2004. Theo công ước Berne quyền tác giả được thiết lập tự động, không cần phải đăng ký, không cần phải viết trong thông báo quyền tác giả. Công ước Berne cho phép tác giả được hưởng tác quyền suốt đời cộng thêm tối thiểu 50 năm sau đó. Tuy nhiên các quốc gia tuân thủ Công ước được phép nâng thời hạn hưởng tác quyền dài hơn, như Cộng đồng Châu Âu đã làm năm 1993. Hoa Kỳ cũng gia hạn tác quyền, như trong Đạo luật kéo dài bản quyền Sonny Bono năm 1998.

Phạm vi bảo hộ của Công ước bao gồm các loại tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, kể cả trong môi trường kỹ thuật số với những nguyên tắc cơ bản:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia là nguyên tắc bảo trợ tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên của Công ước, tương tự như bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình.

- Nguyên tắc tự động bảo hộ là sự bảo hộ không lệ thuộc vào bất kỳ

thủ tục hình thức nào như là thủ tục đăng ký, nộp lưu chiểu hoặc các thủ tục tương tự.

- Nguyên tắc độc lập bảo hộ là việc hưởng và thực thi các quyền được đề cập theo công ước độc lập với những gì hiện được hưởng tại nước xuất xứ của tác phẩm [7].

Công ước Berne được quản lý bởi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (World Intellectual Property Organization, viết tắt là WIPO). Gần như tất cả các quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tuân thủ hầu hết các điều khoản của công ước này. Công ước Berne đã có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 26/10/2004.

- Hiệp định TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ) được ký kết vào ngày 15/4/1994 và có hiệu lực ngày từ 01/01/1996 là kết quả của vòng đàm phán Uruguay trong khuôn khổ Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) bao hàm trong Hiệp định là những khía cạnh quyền SHTT liên quan đến thương mại (gọi tắt là Hiệp định TRIPS). Hiệp định TRIPS là những đạo luật liên quan giữa Berne và WTO.

Hiệp định TRIPS đề cập đến những vấn đề khác nhau, trong đó có quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số cũng được đề cập tại khoản 2, Điều 10 như sau:

“Sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác, dù ở dạng đọc được bằng máy hoặc dạng khác, mà việc lựa chọn hoặc sắp xếp nội dung của chúng tạo nên những sáng tạo trí tuệ phải được bảo hộ với tư cách như vậy. Việc bảo hộ nói trên, mà chính nó không được mở rộng đến bản thân các dữ liệu hoặc tư liệu, không được làm tổn hại tới bất kỳ bản quyền nào đang tồn tại trong chính dữ liệu hoặc tư liệu đó” [18].

Trở thành thành viên của WTO, Việt Nam cam kết thực hiện đầy đủ Hiệp định về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS) của WTO ngay sau khi gia nhập.

- Hiệp ước của WIPO về bản quyền (WCT)

Hiệp ước WIPO về bản quyền của tổ chức SHTT thế giới (WIPO) bảo trợ được ký kết tại Geneva ngày 20/12/1996. Hiệp ước có 25 điều và các điều khoản của Công ước Bern được dẫn chiếu trong Hiệp ước. Hiệp ước quy định bảo hộ cho sự thể hiện của các tác phẩm chứ không bảo hộ cho bản thân ý tưởng, thủ tục, phương thức hoạt động hoặc các khái niệm toán học... Trong các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, hiệp ước WIPO lưu ý hai vấn đề: không phân biệt cách thức và hình thức thể hiện chúng; Các dữ liệu hoặc tư liệu khác được sưu tập dưới bất kỳ hình thức nào, mà tạo nên những sáng tạo trí tuệ, thì được bảo hộ. Sự bảo hộ này không dành cho chính bản thân dữ liệu hoặc tư liệu đó và không làm phương hại đến bất kỳ quyền tác giả nào đang tồn tại đối với dữ liệu hoặc tư liệu trong sưu tập đó [11].

Hiệp ước WIPO có đề cập đến một số quyền như: quyền phân phối, quyền truyền đạt tới công chúng là quyền cho phép bất kỳ việc truyền đạt nào tới công chúng bằng vô tuyến hay hữu tuyến, kể cả việc đưa tác phẩm của họ tới công chúng theo cách thức mà những thành viên trong xã hội có thể tiếp cận tác phẩm đó tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

- Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC)

Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC) ra đời trong hoàn cảnh thế giới hình thành hai hệ thống pháp luật quốc tế về quyền tác giả: một bên là những nước tham gia Công ước Berne quy định việc bảo hộ được xác lập tự động và một bên là Mỹ và các quốc gia châu Mỹ La tinh đã quy định về việc phải đăng ký, nộp lưu chiểu và có dấu hiệu quyền tác giả để được bảo hộ quyền tác giả và vì vậy ban đầu họ không tham gia Công ước Berne vì công ước này công nhận quyền tác giả theo nguyên tắc vô điều kiện. Vì vậy, cần phải có một số thỏa thuận giữa các quốc gia ban đầu đã đặt ra yêu cầu về bảo hộ quyền tác giả và những nước tham gia Công ước Berne. Công ước quyền

tác giả toàn cầu ra đời năm 1952 cho phép cả hai loại quốc gia trên trở thành thành viên. Công ước này giúp cho các tác phẩm từ các nước thành viên của Công ước Berne có thể được bảo hộ ngay cả ở những nước yêu cầu thủ tục bảo hộ, miễn là các nước thành viên cho biết ký hiệu quyền tác giả, tên của chủ sở hữu quyền tác giả và năm xuất bản lần đầu tiên. Ngoài việc phải cho biết ký hiệu quyền tác giả ©, Công ước còn có một số đặc điểm khác như nguyên tắc đối xử quốc gia và không hồi tố. Tại thời điểm này Việt Nam chưa nộp đơn tham gia Công ước UCC.

Đối với những nội dung nêu trên Việt Nam đã tham gia cơ bản các điều ước quốc tế song phương và đa phương về quyền tác giả, điều này đã tạo cho Việt Nam đang dần hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực này.

Có thể nói, các Điều ước và Hiệp ước quốc tế, Hiệp định nêu trên có khoảng trên 200 điều luật, là những quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên. Công dân và pháp nhân các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ khi khai thác các quyền tác giả, quyền liên quan của công dân và pháp nhân Việt Nam, ngược lại công dân và pháp nhân Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan của công dân và pháp nhân của các quốc gia thành viên liên quan.

Các Công ước và Hiệp ước quốc tế nêu trên đã và đang tác động tích cực, sâu sắc đến toàn bộ đời sống văn học, nghệ thuật của Việt Nam.

1.4 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

1.4.1 Trước khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành

Ngay từ bản hiến pháp đầu tiên vào năm 1946, Nhà nước Việt Nam đã ghi nhận những quyền cơ bản của công dân liên quan đến quyền tác giả. Nó thể hiện tư tưởng tiến bộ, nhân văn về con người. Đó là quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của công dân; là việc Nhà nước cam kết bảo vệ quyền lợi

của trí thức; tôn trọng quyền tư hữu tư nhân về tài sản. Tư tưởng lập pháp đó đã tiếp tục được thể hiện tại Hiến pháp 1959, 1980 và Hiến pháp 1992 đang có hiệu lực thi hành.

Năm 1986 với Nghị định số 142/HĐBT, lần đầu tiên ở Việt Nam, một văn bản riêng biệt về quyền tác giả đã được ban hành với một số quy định cơ bản, ban đầu về quyền tác giả với sự giúp đỡ của hãng VAB (hãng bảo hộ quyền tác giả thuộc Liên Xô trước đây). Trước yêu cầu của phát triển, ngày 02 tháng 12 năm 1994, Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa IX đã thông qua Pháp lệnh về quyền tác giả. Tại kỳ họp thứ 8 Khóa IX, ngày 28 tháng 10 năm 1995, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật Dân sự, trong đó có các quy định về quyền tác giả. Với 36 Điều quy định riêng về quyền tác giả tại Chương I, Phần thứ 6 và phần thứ 7 Bộ luật Dân sự, nó đã điều chỉnh hầu hết các quan hệ dân sự về quyền tác giả trong điều kiện đất nước chuyển đổi cơ chế quản lý từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Việc ra đời của Bộ luật Dân sự, với các quy định về quyền tác giả là một bước tiến dài về hoạt động lập pháp ở Việt Nam trong lĩnh vực này, có sự giúp đỡ của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO). Nó đã tiếp thu những giá trị tiến bộ từ những văn bản pháp luật đã qua kiểm nghiệm trong cuộc sống, về cơ bản phù hợp với chuẩn mực chung của thế giới. Đồng thời nó đã phản ánh được xu thế phát triển quyền tác giả ở Việt Nam.

1.4.2 Từ khi Bộ luật Dân sự 2005 ban hành

- Bộ luật Dân sự 2005

Để đáp ứng yêu cầu mới về việc phát triển hệ thống pháp luật theo sự vận động của xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế, trong đó có vấn đề bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan tại quốc gia, ngày 14/6/2005 Quốc hội khóa 11, kỳ họp thứ 7 đã thông qua BLDS 2005 với 7 phần 36 chương 777 điều.

Theo quy định của BLDS 2005 về quyền tác giả và các quyền liên quan thì BLDS 2005 chỉ quy định những vấn đề chung nhất đối với QTG như: tác giả; đối tượng quyền tác giả; nội dung quyền tác giả; thời điểm phát sinh hiệu lực quyền tác giả; chủ sở hữu quyền tác giả... Còn những nội dung cụ thể khác thì do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định.

Điều 736 BLDS 2005 quy định tác giả là "*người sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật khoa học là tác giả của tác phẩm đó. Trong trường hợp có hai người hoặc nhiều người cùng sáng tạo ra tác phẩm thì những người đó là đồng tác giả*". Còn đối tượng quyền tác giả được quy định tại Điều 737 BLDS 2005 "*Đối tượng quyền tác giả bao gồm mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị và không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào*". Nội dung quyền tác giả ở BLDS 2005 bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 738 BLDS 2005).

- Luật Sở hữu trí tuệ 2005:

Luật SHTT năm 2005 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Sau khi Luật SHTT 2005 ra đời có các văn bản hướng dẫn thi hành về quyền tác giả:

Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/09/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan;

Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

Nghị định số 47/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/5/2009 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;

Chỉ thị 04/2007/CT-TTg ngày 22/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo hộ quyền đối với chương trình máy tính;

Chỉ thị 36/2008/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;

Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP, ngày 29/02/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Toà án nhân dân;

Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10/02/2009 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009:

Do yêu cầu phát triển, thay đổi của xã hội và hội nhập quốc tế, Luật Sở hữu trí tuệ 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29/6/2009. Việc ban hành và kịp thời sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ là cần thiết, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các chủ thể quyền Sở hữu trí tuệ không những cả trong mà ngoài nước. Với 6 phần, 18 chương và 222 điều thì Luật Sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu bảo hộ hiệu quả quyền Sở hữu trí tuệ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã cụ thể hóa các quy định về quyền tác giả nói chung và trong môi trường kỹ thuật số nói riêng; đồng thời nội luật hóa các quy định pháp luật quốc tế về quyền tác giả, bao gồm:

- Quyền nhân thân, gồm các quyền:
 - + Đặt tên cho tác phẩm;
 - + Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
 - + Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
 - + Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

- Quyền tài sản, gồm các quyền:
 - + Làm tác phẩm phái sinh;
 - + Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
 - + Sao chép tác phẩm;
 - + Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
 - + Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
 - + Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính [23].

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT (2009) ra đời có các văn bản hướng dẫn thi hành về quyền tác giả:

Nghị định số 85/2011/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 100/2006/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan;

Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Nghị định số 109/2011/NĐ-CP ngày 02/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 47/2009/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;

Thông tư liên tịch số: 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19/6/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông.

- Các pháp luật khác có liên quan

Luật báo chí, Luật xuất bản, Luật điện ảnh, Luật di sản văn hóa, Luật công nghệ thông tin, Luật hải quan, Bộ luật hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện,

- Các hiệp định song phương:

+ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ vào ngày 27 tháng 6 năm 1997 về thiết lập quan hệ quyền tác giả.

+ Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại vào ngày ngày 10/12/2001 thỏa thuận tại Điều 4 chương II về quyền tác giả.

+ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ về Bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ vào ngày 7/7/1999.

Các hiệp định này đều đã gián tiếp hoặc trực tiếp có những điều khoản quy định đến quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.

- Bản ghi nhớ: Việt Nam cũng đã tiến hành ký các bản ghi nhớ giữa Cục SHTT Vương quốc Thái Lan và Cục Bản QTG Văn học- Nghệ thuật Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực bản QTG và quyền kê cận vào ngày

07/11/1999; bản ghi nhớ giữa Cục Bản QTG nước CHND Trung Hoa và Cục Bản quyền tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực QTG và quyền liên quan 14/9/1998. Các bản ghi nhớ cũng là tiền đề để xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về QTG đối với CTMT, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của các bên trong lĩnh vực SHTT.

Như vậy, so với BLDS 1995, thì BLDS 2005 và Luật SHTT 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2009 cùng các văn bản liên quan đã tạo ra một hệ thống pháp lý tương đối cơ bản và đầy đủ điều chỉnh các quan hệ về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng không chỉ trong nước mà còn đáp ứng sự phối hợp quốc tế, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước.

Nền kinh tế xã hội hiện nay của nước ta đang hướng đến nền kinh tế tri thức, nền kinh tế của sự sáng tạo và trí tuệ. Do vậy, việc bảo hộ các thành quả lao động trí tuệ đó là điều cần thiết và phải được quan tâm hàng đầu.

Nếu pháp luật được xem là thước đo sự tiến bộ của xã hội thì có thể nói pháp luật về SHTT nói chung và QTG nói riêng là tiêu chí để đánh giá sự phát triển tài sản trí tuệ của quốc gia. Bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật trong việc bảo hộ tài sản trí tuệ. Đưa pháp luật Việt Nam tiến gần hơn một bước đến sự hòa nhập của hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH CỦA QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1.1. Đối tượng bảo hộ quyền tác giả

Quyền tác giả được hiểu theo nghĩa rộng là một chế định pháp luật bao gồm bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình sáng tạo, sử dụng và định đoạt các tác phẩm trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học.

Quyền tác giả hiểu theo nghĩa hẹp là những quyền dân sự cụ thể của chủ thể trong việc sáng tạo, sử dụng và định đoạt các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu (khoản 2 Điều 4 Luật SHTT).

Đối tượng bảo hộ Quyền tác giả là chỉ bảo hộ hình thức sáng tạo, không bảo hộ cho nội dung sáng tạo.

Một tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả phải đảm bảo tính nguyên gốc và có hình thức thể hiện. Ý nghĩa chính xác về tính nguyên gốc là khác nhau trong pháp luật về quyền tác giả của mỗi nước, nhưng nhìn chung tính nguyên gốc được hiểu là tác phẩm được sáng tạo ra một cách độc lập và không sao chép từ bất kỳ một tác phẩm nào khác. Việc bảo hộ quyền tác giả chỉ được áp dụng đối với những đóng góp mang tính nguyên gốc cho tác phẩm và không được áp dụng đối với bất kỳ yếu tố nào vay mượn từ tác phẩm khác. Một tác

phẩm muốn được bảo hộ phải do chính lao động trí óc của tác giả tạo ra.

Quyền tác giả bảo hộ hình thức của ý tưởng sáng tạo nhưng nếu hình thức thể hiện một ý tưởng trùng với nội dung ý tưởng đó, thì hình thức cũng không được bảo hộ. Quyền tác giả chỉ tập trung bảo hộ hình thức tác phẩm, không bảo hộ nội dung tác phẩm. Vì thế quyền tác giả phát sinh khi tác phẩm được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.

Quyền tác giả là một lĩnh vực phức tạp và còn mới mẻ đối với Việt Nam. Tuy ý tưởng về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả đã hình thành ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và được tiếp tục ghi nhận tại các bản Hiến pháp sau. Ngoài ra, tại Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Hải quan, Bộ luật Hình sự và các luật, văn bản pháp quy khác cũng đã có các quy định về quyền tác giả.

Các quy định pháp luật Việt Nam về quyền tác giả về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu bảo hộ quyền tác giả nói chung và thực thi các hiệp định song phương về quyền tác giả, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ nói riêng. Trên cơ sở quy định của pháp luật đã xác lập được hành lang pháp lý an toàn, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, bảo hộ quyền tác giả của những tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học do lao động của tư duy sáng tạo ra; đồng thời bảo đảm việc điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội ở lĩnh vực này, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, dự báo được xu thế phát triển trong nước và trên trường quốc tế. Vì vậy, quyền tác giả thể hiện tư tưởng tiến bộ, nhân văn về quyền con người của Nhà nước Việt Nam. Trong những năm qua, pháp luật về quyền tác giả đã phát huy tác dụng tích cực trên các mặt. Pháp luật đã tạo lập môi trường khuyến khích tự do sáng tạo các giá trị văn học, nghệ thuật và khoa học, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, sáng tạo nói chung, trong giới trí thức, văn nghệ sĩ nói riêng. Pháp luật là phương tiện để tác giả bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, là công cụ để quản lý, giữ gìn trật tự

xã hội về quyền tác giả, ngăn chặn những sản phẩm văn hóa độc hại, bất lợi cho cộng đồng và lợi ích quốc gia.

Ở hầu hết các lĩnh vực, từ báo chí, xuất bản, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật tạo hình đến phát thanh, truyền hình đều tôn trọng các quyền đặt tên tác phẩm, quyền đứng tên tác giả trên tác phẩm, quyền cho phép khai thác, sử dụng tác phẩm, quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm và quyền được hưởng nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác phát sinh từ việc cho phép khai thác, sử dụng tác phẩm của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

Hiệp định về Bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam với Liên bang Thụy Sĩ đã có hiệu lực trên 12 năm, việc thực hiện tại Việt Nam nghiêm túc, chưa phát hiện vi phạm. Hiệp định Thiết lập quan hệ quyền tác giả giữa Việt Nam với Hoa Kỳ đã bước sang năm thứ 15 với những tiến bộ mới.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm quyền tác giả cũng đã diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực kể trên, có vụ việc nghiêm trọng. Thị trường băng, đĩa âm thanh, băng, đĩa hình được báo động về tình trạng nhập lậu qua biên giới, sao chép tùy tiện không phép đã gây thiệt hại cho các chủ sở hữu tác phẩm. Việc sử dụng tác phẩm không xin phép tác giả, chủ sở hữu tác phẩm vẫn diễn ra, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình. Tình trạng in lậu sách vẫn chưa được chấm dứt. Việc sao chép, sử dụng không phép các chương trình phần mềm đang là vấn đề gây ảnh hưởng đến chính sách đầu tư phát triển công nghệ thông tin của Nhà nước, làm thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

Nếu hệ thống pháp luật về quyền tác giả đủ sức bảo hộ quyền tác giả ở nội địa và hội nhập quốc tế thì hệ thống thực thi và việc thi hành đang là vấn đề bức xúc cần phải được cải thiện tích cực.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các điều khoản theo Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa

học; triển khai thực hiện các cam kết với tư cách là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), việc tham gia Hiệp định TRIPS, về các khía cạnh kinh tế của quyền sở hữu trí tuệ là yêu cầu bắt buộc của lộ trình này. Theo cam kết tại Hiệp định về bảo hộ sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam và Thụy Sĩ, ngoài việc tham gia Công ước Berne, Hiệp định TRIPS, Việt Nam còn phải thực hiện theo Công ước Rome 1961 về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng. Theo cam kết tại Điều 1, Khoản 3 và Điều 18, Chương II Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ thì ngoài việc tham gia Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật trong thời hạn 24 tháng, Việt Nam còn phải thực hiện Công ước Geneva 1971 về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm, chống lại việc sao chép trái phép, Công ước Brussels 1974 về phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Có thể nói đối tượng bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số được tập trung chủ yếu ở 3 lĩnh vực: Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ, cụ thể:

- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;

- Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;

- Tác phẩm báo chí;

- Tác phẩm âm nhạc;

- Tác phẩm sân khấu;

- Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự;

- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;

- Tác phẩm nhiếp ảnh;

- Tác phẩm kiến trúc;

- Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học;

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian;

- Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

Để tăng cường bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về vấn đề này, chúng ta cần tích cực "thực hiện chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ" đã được Đại hội IX của Đảng xác định.

2.1.2. Chủ thể của quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Vấn đề chủ thể quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số dưới các góc độ tiếp cận khác nhau chúng ta sẽ có cách phân loại khác nhau. Ở khía cạnh nguồn gốc nguyên thủy phát sinh quyền quyền tác giả chúng ta có thể phân chia thành hai nhóm: nhóm chủ thể quyền tác giả nguyên thủy với cơ sở phát sinh quyền từ hoạt động đầu tư, lao động sáng tạo trực tiếp ra sản phẩm; nhóm chủ thể quyền tác giả phái sinh, gồm: cá nhân, tổ chức giao nhiệm vụ, giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả, được thừa kế hoặc được chuyển giao.

Với góc độ tiếp cận chủ thể quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số (digital) đối chiếu với chủ thể quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số tương tự (analog) thì chúng ta thấy là môi trường kỹ thuật số, như phân tích tại phần trên, là môi trường thể hiện mới, mở rộng hơn so với môi trường kỹ thuật số tương tự truyền thống nhờ sự phát triển của công nghệ kỹ thuật hiện đại, ứng dụng vào các ngành công nghiệp có liên quan đến hoạt động khai thác, phổ biến, quảng bá việc sử dụng tác phẩm, đặc biệt là ngành công nghệ thông tin, công nghiệp sản xuất các sản phẩm điện tử tiêu dùng dân dụng... cho phép các hoạt động khai thác, sử dụng tác phẩm, các đối tượng này theo cách thức truyền thống. Mặt khác, như chúng ta đã biết, đặc thù của sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng (sở hữu tài sản vô hình) và sở hữu tài sản hữu hình ở một số đặc tính chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Ở quyền

tác giả tính chất chiếm hữu, sử dụng và định đoạt không giống như các tài sản hữu hình khác là ở chỗ nó không nhất thiết phải trên cơ sở sự hiện hữu thực tế vật chất của tài sản mà các quyền năng này của chủ sở hữu vô hình, tài sản thuộc quyền sở hữu trí tuệ do pháp luật quy định dưới các hình thức ghi nhận, cụ thể hóa trong pháp luật. Ngoài các hình thức đó đều không thuộc phạm vi điều chỉnh của chế định quyền sở hữu đối với các tài sản vô hình, trí tuệ. Với nghĩa là chủ thể quyền tác giả, trên phương diện chủ sở hữu các quyền đối với tác phẩm với cách tiếp cận này, thì có các quyền năng gì mà pháp luật cấm hay dành cho các chủ thể này trong quan hệ pháp luật về quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số tương tự truyền thống, được mở rộng áp dụng trong môi trường kỹ thuật số. Các chủ thể quyền tác giả trên phương diện này gồm các đối tượng chủ thể sau:

2.1.2.1. Tác giả

Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm văn học nghệ thuật. Đó là những người bằng lao động trí tuệ của mình trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm bằng việc sử dụng các cách thức biểu hiện khác nhau thông qua ngôn ngữ, ký tự, biểu tượng, ký hiệu, dấu hiệu, đường nét, hình khối, màu sắc, âm thanh, hình ảnh.... được bố cục, sắp xếp, trình bày dưới một hình thức vật chất nhất định mà người khác có thể cảm nhận được một cách trực tiếp thông qua các giác quan tự nhiên của con người hoặc gián tiếp thông qua sự trợ giúp của các thiết bị, phương tiện hiện có hoặc sẽ phát triển trong tương lai, mang đậm nét dấu ấn cá nhân của người sáng tạo, mang tính chất độc đáo, riêng có, nguyên thủy, độc lập, mới có của sáng tạo, không sao chép từ những sáng tạo hiện có.

Qua khái niệm trên, để được công nhận là tác giả đối với tác phẩm cần thỏa mãn các tiêu chí sau:

Một là, tiêu chí về tính nguyên thủy hay còn gọi là tính gốc của sáng tạo thể hiện tác phẩm: tính nguyên thủy trong tác phẩm có nghĩa đó là sự sáng

tạo của chính tác giả và không sao chép toàn bộ hoặc phần cơ bản từ tác phẩm khác. Pháp luật quyền tác giả, đòi hỏi tác phẩm phải có tính nguyên thủy về sắp đặt các nội dung cũng như hình thức thể hiện chúng, chứ không liên quan tới bản thân những ý tưởng, thông tin hoặc những quy trình, phương pháp đơn thuần được thể hiện trong tác phẩm. Tính nguyên thủy trên một số khía cạnh có thể được hiểu là tính mới của tác phẩm. Song, tính mới của tác phẩm trong lĩnh vực quyền tác giả khác với tính mới trong lĩnh vực công nghiệp và giống cây trồng. Tính mới trong quyền sở hữu công nghiệp có thể không dựa trên thời điểm phát minh, sáng chế, sáng tạo mà tính luật định trên cơ sở ghi nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong khi tính mới trong quyền tác giả mang tính thực tiễn hơn, kể cả trong trường hợp sáng tạo một tác phẩm có sự thể hiện tương tự như một tác phẩm đã có trước đó miễn là tác giả của tác phẩm sau này không được biết và không thể biết tới sự tồn tại của tác phẩm đó. Điều này cũng không ảnh hưởng tới tính nguyên thủy của sự sáng tạo độc lập. Trường hợp tác phẩm phái sinh, tính nguyên thủy nằm trong phương pháp phóng tác cá nhân tác phẩm hiện có giữa những phóng tác khác. Đòi hỏi về tính nguyên thủy như là điều kiện bảo hộ quyền tác giả được thể hiện trong rất nhiều luật quyền tác giả quốc gia bằng việc xác định các tác phẩm đáng được bảo hộ phải là gốc (ví dụ như Hy Lạp, Điều 1; Pháp, Điều 5; Ấn Độ, Điều 13(a); Nigeria, Điều 1(2)(a); Senegan, Điều 1; Liên hiệp Vương quốc Anh, Điều 2(1); Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Điều 102...). Nghĩa của việc gán “gốc” không được nhầm lẫn với nghĩa của thuật ngữ ngày khi được sử dụng để đối chiếu các tác phẩm gốc là tác phẩm hiện có với tác phẩm phái sinh [8]. Tiêu chí này được quy định trong pháp luật Việt Nam tại Khoản 3 Điều 14 Luật SHTT.

Hai là, tiêu chí về định hình dưới một dạng vật chất nhất định: là một tiêu chí kiên quyết có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong việc xác lập

quyền đối với tác phẩm trong đó quyền được công nhận làm tác giả cũng như tư cách chủ thể tiến hành các yêu cầu bảo hộ trước các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm. Tiêu chí này được quy định trong pháp luật Việt Nam tại Khoản 1 điều 6 Luật SHTT và Điều 737 BLDS, như sau: “mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào”.

Ba là, tiêu chí về phạm vi chủ thể: Tiêu chí này có vai trò đặc biệt quan trọng vì nó quyết định các tác phẩm nào được bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam từ đó xác định chủ thể được hưởng sự bảo hộ quyền tác giả. Tiêu chí phạm vi chủ thể này thông thường được xác định tên cơ sở Luật quốc tịch của thể nhân hay pháp nhân đối với trường hợp là tổ chức, Luật nơi thực hiện hành vi sáng tạo hoặc công bố tác phẩm. Vì tính chất tuyệt đối về mặt lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ cho nên các đối tượng chủ thể là tác giả không thuộc các trường hợp trên sẽ không được pháp luật các quốc gia bảo hộ. Nhìn chung, các trường hợp người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được bảo hộ quyền tác giả tại một quốc gia ngoài tiêu chí xác định trên có thể vẫn được hưởng sự bảo hộ tại một quốc gia trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại, nhưng về cơ bản đều trên cơ sở các điều ước quốc tế do các quốc gia ký kết với nhau cam kết dành sự bảo hộ quyền tác giả cho người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài theo nguyên tắc đối xử quốc gia hoặc đối xử tối huệ quốc hoặc cả hai nguyên tắc này. Luật SHTT của Việt Nam tại Điều 8 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan xác định phạm vi các tác giả sau:

- a. Cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả;
- b. Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;

- c. Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;
- d. Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

2.1.2.2. Chủ sở hữu quyền tác giả

Chủ sở hữu quyền tác giả được hiểu chung là chủ thể mà quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về chủ thể đó. Chủ sở hữu quyền tác giả nguyên thủy theo thông lệ chung và ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt thay đổi theo các luật quyền tác giả khác nhau, là tác giả, người chiếm hữu quyền tác giả theo luật dựa trên cơ sở sáng tạo ra sản phẩm. Một số luật quyền tác giả cho phép chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền tác giả và lúc đó người được chuyển giao sẽ trở thành chủ sở hữu toàn bộ hoặc một phần quyền tác giả đã được chuyển giao.

Với cách tiếp cận về quyền năng chủ thể, pháp luật Việt Nam quy định: Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản.

Trên cơ sở đó, chủ thể là chủ sở hữu quyền tác giả được quy định trong BLDS tại Điều 740, Luật SHTT tại các Điều từ Điều 36 đến Điều 42 được phân thành các đối tượng chủ thể sau:

1. Tác giả (đồng tác giả): là chủ thể sở hữu quyền tác giả trong trường hợp sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm.

Trong trường hợp đồng tác giả, nếu có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác thì có các quyền đối với phần riêng biệt đó.

2. Tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này không phải là dựa trên cơ sở chiếm hữu nguyên thủy quyền tác

giả mà dựa trên cơ sở luật định. Lý do pháp luật dành cho các đối tượng chủ thể này tư cách chủ sở hữu quyền là để khuyến khích sự đầu tư tài chính và tạo điều kiện vật chất khác cho hoạt động sáng tạo. Lao động sáng tạo trực tiếp của tác giả kết tinh trên tác phẩm đã được các cá nhân, tổ chức này bù đắp vật chất trước, trong và kể cả sau khi kết thúc quá trình sáng tạo. Vì vậy, sẽ là rất hợp lý nếu để các đối tượng chủ thể này nắm các quyền khai thác sử dụng về mặt kinh tế đối với tác phẩm sau khi hoàn thành để thu hồi lại vốn đầu tư trước đó. Các quyền liên quan đến nhân thân của tác giả vẫn thuộc về tác giả và được tôn trọng trong suốt quá trình khai thác, sử dụng tác phẩm.

3. Tổ chức, cá nhân được thừa kế: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này là dựa trên cơ sở pháp luật về thừa kế tài sản.

4. Tổ chức, cá nhân được chuyển giao: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này là dựa trên cơ sở pháp luật về chuyển nhượng quyền sở hữu quyền tác giả.

5. Nhà nước: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này là dựa trên cơ sở pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Tác phẩm khuyết danh;

b) Tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả chết không có người thừa kế, người thừa kế từ chối đi nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản;

c) Tác phẩm được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

Như vậy, để được bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phải đáp ứng các điều kiện sau:

Thứ nhất, tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phải bảo đảm tính nguyên gốc: tác phẩm phải do tác giả trực tiếp

sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.

Thứ hai, chỉ bảo hộ hình thức thể hiện tác phẩm chứ không bảo hộ nội dung ý tưởng. Điều này có nghĩa là tác phẩm được bảo hộ phải đã được thể hiện dưới một hình thức nhất định chứ không bảo hộ những tác phẩm mới chỉ là ý tưởng chưa được sáng tạo cụ thể.

2.1.3. Cơ chế bảo hộ quyền tác giả

Cơ chế bảo hộ của quyền tác giả được xác lập tự động ngay sau khi tác phẩm được hoàn thành, không cần được đánh giá và công nhận, cũng không cần phải thông qua thủ tục cấp bằng bảo hộ nào. Việc nộp đơn để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả.

Tuy nhiên, mặc dù việc bảo hộ quyền tác giả được xác lập tự động thì việc cấp giấy Chứng nhận quyền tác giả là việc làm được Nhà nước khuyến khích vì việc đăng ký quyền tác giả có ý nghĩa về mặt quản lý nhà nước và chủ thể có giấy Chứng nhận quyền tác giả được miễn nghĩa vụ chứng minh khi có tranh chấp về quyền tác giả trừ trường hợp có chứng cứ chứng minh ngược lại.

2.1.4. Nội dung quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Quyền tác giả là các quyền năng mà pháp luật dành cho các đối tượng là tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học do họ sáng tạo hoặc sở hữu. Thông thường các quyền này được phân biệt thành hai loại quyền: quyền tinh thần (quyền nhân thân) và quyền kinh tế (quyền tài sản). Chúng là các quyền độc quyền về các cách thức và điều kiện khai thác, sử dụng tác phẩm dưới các hình thức, phương thức khác nhau. Với cách tiếp cận pháp luật theo hướng luật Châu Âu lục địa (hệ thống pháp luật thành văn), pháp luật về quyền tác giả thường đề cao

các quyền tinh thần của tác giả, ngược lại với cách tiếp cận theo hướng luật chung Anh – Mỹ (hệ thống pháp luật án lệ) pháp luật về quyền tác giả coi trọng quyền kinh tế hơn, chú trọng về mặt thể thức, thủ tục, chứ không đề cập đến các quyền tinh thần. Biểu hiện của hai xu thế này trên phương diện quy phạm pháp luật quốc tế là Công ước Berne và Công ước quyền tác giả toàn cầu (Công ước UCC).

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều hơn của hệ thống pháp luật thành văn nhưng lại có xu thế quy định các quy phạm pháp luật cụ thể hóa chi tiết tới mức có thể. Xu thế này về mặt khách quan có thể do sự xích lại gần nhau của hai hệ thống pháp luật do nhu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế.

Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định chủ thể Quyền tác giả có các quyền nhân thân và quyền tài sản.

2.1.4.1. Nội dung quyền nhân thân

Quyền nhân thân gồm có các quyền sau;

- Quyền đứng tên tác giả trên bản gốc và bản sao tác phẩm. Tác giả có quyền lựa chọn việc đứng tên thật, bút danh hoặc có thể chủ động không đứng tên, để tác phẩm của mình ở “tình trạng khuyết danh”. Quyền này của tác giả là quyền yêu cầu được ghi tên tác giả trên bản gốc, bản sao tác phẩm, quyền được nêu tên khi biểu diễn, phát sóng tác phẩm.

- Quyền đặt tên tác phẩm là quyền quan trọng của tác giả để “khai sinh” cho tác phẩm của mình.

- Quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm là quyền ngăn cấm hoặc cho phép người khác khai thác, sửa chữa tác phẩm của mình. Quyền này còn ngăn chặn người khác xuyên tạc, xâm phạm tới uy tín, danh dự của mình. Người biên tập có thể thực hiện việc sửa chữa tác phẩm, do sự thay đổi các chuẩn mực xã hội, ngôn từ và chính tả, nhưng phải được sự đồng ý của tác giả.

- Quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm của mình. Việc công bố hay chưa công bố tác phẩm tùy thuộc vào quyết định của tác giả.

Trong các quyền trên, quyền đứng tên, quyền đặt tên và quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm là quyền được pháp luật quốc gia và quốc tế bảo hộ vô thời hạn và không được chuyển giao. Quyền công bố tác phẩm là quyền có thể để lại thừa kế, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác.

Vì các quyền này gắn liền với nhân thân của tác giả, có liên quan mật thiết tới mặt đời sống văn hóa, tinh thần của tác giả cho nên có sự khác biệt trong pháp luật các quốc gia về tên gọi nhóm quyền này. Nhưng theo cách phân biệt quyền trong hệ thống pháp luật của Việt Nam thì quyền nhân thân có phạm vi quyền rộng hơn rất nhiều bốn loại quyền kể trên. Ngoài ra, trong các quyền trên thì quyền công bố và cho người khác công bố tác phẩm mang nhiều khía cạnh kinh tế. Luật SHTT của Việt Nam cũng như Luật Quyền tác giả của Nhật Bản đều quy định quyền này thuộc quyền nhân thân nhưng lại cho phép được chuyển giao không giống như các quyền tinh thần khác không thể chuyển giao được luôn thuộc về chủ thể quyền là tác giả (đồng tác giả) và được bảo hộ vô thời hạn còn quyền công bố hoặc cho người khác công bố thuộc về chủ thể quyền là chủ sở hữu quyền tác giả có thể là tác giả (đồng tác giả) hoặc các đối tượng chủ thể khác là chủ sở hữu quyền tác giả như trình bày tại phần trên.

Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật SHTT là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc. Vì các hành vi này là các hành vi mang tính chất công bố, phổ biến, truyền đạt tác phẩm không kèm theo bản sao tác phẩm phù hợp với các quy phạm chuẩn mực quốc tế trong công ước Berne, Hiệp định TRIPS và hai hiệp ước Internet của WIPO [7],[11],[18].

Quyền công bố theo nghĩa này bao hàm cả quyền sao chép và quyền phân phối với số lượng bản sao hợp lý đủ để đáp ứng nhu cầu của công chúng. Quyền công bố này so sánh với quyền làm cho có sẵn công cộng tác phẩm trong hai Hiệp ước Internet của WIPO dường như là tương đương nhau, kết hợp với khái niệm sao chép và bản sao được phân tích ở đoạn sau thì quyền này hoàn toàn có thể áp dụng để bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.

2.1.4.2. Nội dung quyền tài sản

Quyền tài sản gồm các quyền là các quyền độc quyền do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho phép người khác khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao, bao gồm:

- Quyền làm tác phẩm phái sinh: là quyền do tác giả tự thực hiện hoặc cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình để sáng tạo ra tác phẩm mới. Tác phẩm mới này được gọi là tác phẩm phái sinh, như tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm chuyển thể, cải biên, phóng tác, phiên âm, chú giải. Người làm tác phẩm phái sinh chỉ có quyền tác giả khi không gây phương hại tới quyền tác giả của tác phẩm được sử dụng để sáng tạo ra tác phẩm phái sinh. Điều này có nghĩa, phải có sự thỏa thuận trước khi sử dụng để sáng tạo tác phẩm phái sinh. Cải biên là việc sáng tạo ra tác phẩm mới, từ tác phẩm đã có bằng việc tạo thêm những

yếu tố ngôn từ sáng tạo mới. Phóng tác có nghĩa là việc thay đổi hình thức thể hiện của tác phẩm, chẳng hạn như chuyển đổi tác phẩm nhiếp ảnh thành tác phẩm hội họa, hoặc tác phẩm điêu khắc. Chuyển thể là việc thay đổi hình thức thể hiện của tác phẩm đã có nhưng vẫn giữ nội dung tác phẩm được sử dụng để thực hiện việc chuyển thể. Chẳng hạn như chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm điện ảnh.

- Quyền sao chép tác phẩm: là quyền sao chép là một trong các quyền quan trọng của tác giả. Việc xuất bản một tác phẩm là một hình thức sao chép tác phẩm, nó là hình thức sao chép cổ điển nhất. Việc ghi âm, ghi hình bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết trình, việc vẽ lại tranh là hình thức sao chép thuộc quyền sao chép tác phẩm. Việc sao chép một phần hay toàn bộ tác phẩm phải được sự đồng ý của tác giả, không phân biệt hình thức, phương tiện được sử dụng để sao chép, kể cả sao chép điện tử.

- Quyền biểu diễn: là quyền biểu diễn tác phẩm theo luật nhiều quốc gia là quyền biểu diễn trước công chúng ở bất kỳ địa điểm và thời gian nào với số lượng quần chúng đủ lớn, ngoại trừ phạm vi gia đình, như biểu diễn nhạc kịch tại nhà hát, đọc truyện, ngâm thơ trên đài phát thanh, truyền hình. Nó còn bao gồm cuộc biểu diễn gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình được phát qua các thiết bị tương thích ở các địa điểm kinh doanh, thương mại như trên máy bay, sân nhảy, siêu thị, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ karaoke v.v...

- Quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc bản sao tác phẩm: là quyền phân phối bản gốc, bản sao tác phẩm do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho người khác thực hiện bằng việc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác. Đối với tác phẩm tạo hình, tác phẩm nhiếp ảnh thì quyền phân phối còn bao gồm cả việc trưng bày, triển lãm trước công chúng.

- Quyền truyền đạt tác phẩm: là quyền đưa tác phẩm đến công chúng

bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào để công chúng có thể tiếp cận được tại bất kỳ địa điểm và thời gian nào do họ lựa chọn.

- Quyền cho thuê tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính: là quyền cho thuê tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính là quyền độc quyền của chủ sở hữu. Nó là việc cho thuê để sử dụng có thời hạn, do chủ sở hữu quyền tác giả và bên sử dụng thỏa thuận theo hợp đồng.

Để đáp ứng yêu cầu bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số Luật SHTT đã đưa vào khái niệm mới, bổ sung về sao chép như sau: “Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử”.

Khái niệm mới về sao chép này, như phân tích tại phần trên, là phù hợp với khái niệm sao chép trong Công ước Berne, Hiệp định TRIPS, hai Hiệp ước Internet của WIPO và tuyên bố đồng thuận kèm theo. Sự mở rộng khái niệm sao chép này dẫn tới sự mở rộng đối với quyền sao chép tương ứng. Hành vi sao chép tác phẩm không còn dừng lại ở việc sao chép dưới các hình thức vật chất hữu hình bằng kỹ thuật tương tự nữa mà còn dưới các hình thức điện tử bằng bất kỳ phương tiện nào bất kể đó là lưu trữ thường xuyên hay tạm thời. Và “bản sao tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm”. Như vậy, việc tạo ra phần trọng yếu hoặc toàn bộ tác phẩm trong bộ nhớ đệm máy tính hay trong quá trình truyền dẫn qua hệ thống Internet đều cấu thành hành vi sao chép tác phẩm và thuộc độc quyền cho phép của chủ thể quyền tác giả [7],[11],[18].

Một điểm đáng lưu ý là Luật SHTT đã bổ sung quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác dành cho chủ thể quyền tác

giả. Bản thân hành vi truyền đạt tác phẩm có thể có hoặc không kèm theo bản sao tác phẩm, vì vậy quyền truyền đạt là một quyền có thể bao hàm quyền sao chép và quyền phân phối hoặc quyền công bố tác phẩm như phân tích trên được mở rộng trong môi trường kỹ thuật số.

Điều này được khẳng định cụ thể trong Nghị định số 100/2006/NĐ – CP tại Điều 23 khi mở rộng phạm vi áp dụng của tất cả các quyền tài sản trong môi trường kỹ thuật số, gồm: quyền biểu diễn, quyền sao chép, quyền truyền đạt, quyền cho thuê như sau:

1. Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật SHTT do chủ sở hữu Quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện biểu diễn tác phẩm một cách trực tiếp hoặc thông qua các chương trình ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được.

Trong khoản này, biểu diễn tác phẩm trước công chúng bao gồm việc biểu diễn tác phẩm tại bất cứ nơi nào ngoại trừ tại gia đình.

2. Quyền sao chép quy định tại điểm c tại khoản 1 điều 20 của luật SHTT là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao của tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử.

3. Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm quy định tại điểm d khoản 1 điều 20 của Luật SHTT là quyền của chủ sở hữu Quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm .

Đối với tác phẩm tạo hình, tác phẩm nhiếp ảnh thì quyền phân phối còn bao gồm cả việc trưng bày, triển lãm trước công chúng.

4. Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác quy định tại điểm d khoản 1 điều 20 của Luật SHTT là quyền độc quyền thực hiện của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc cho phép người khác thực hiện để đưa tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

5. Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính quy định tại điểm e khoản 1 điều 20 của luật SHTT do chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để sử dụng có thời hạn.

Không áp dụng quyền cho thuê đối với chương trình máy tính, khi bản thân chương trình đó không phải là đối tượng chủ yếu để cho thuê như chương trình máy tính gắn với việc vận hành bình thường các loại phương tiện giao thông cũng như các máy móc, thiết bị kỹ thuật khác.

Các quyền tài sản và quyền nhân thân của tác giả nêu trên tự động phát sinh ngay sau khi tác phẩm được hình thành dưới dạng vật chất nhất định. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng tiền nhuận bút, thù lao và lợi ích vật chất khác từ việc cho phép tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng tác phẩm.

2.1.5. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số cũng chính là thời hạn bảo hộ quyền tác giả nói chung.

Quyền SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng được ví von như một sự cam kết của Nhà nước để dung hòa giữa quyền lợi của chủ thể quyền SHTT và nhu cầu tiếp cận của xã hội đối với các tài sản trí tuệ đó. Bản thân chủ thể quyền SHTT bao giờ cũng mong muốn các thành quả lao

động trí tuệ của mình được bảo vệ tối đa và nghiêm cấm việc sử dụng khai thác ngoài ý chí; ngược lại, số đông còn lại trong xã hội thì mong muốn được sử dụng, hưởng thụ, cải tiến các sản phẩm trí tuệ đó một cách dễ dàng và miễn phí. Do vậy pháp luật quy định một giới hạn về việc bảo hộ là cần thiết để công chúng có thể tự do tiếp cận và trao đổi các tác phẩm sau khi hết thời gian bảo hộ. Theo Điều 27 Luật SHTT 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thời hạn bảo hộ quyền tác giả gồm thời hạn bảo hộ quyền nhân thân và thời hạn bảo hộ quyền tài sản.

- Thời hạn bảo hộ đối với quyền nhân thân là vô hạn vì quyền nhân thân là quyền đặc biệt, không thể trao cho người khác (trừ quyền công bố), nó là quyền đặc thù gắn liền với mỗi cá nhân (khoản 1 Điều 27).

- Thời hạn bảo hộ đối với quyền tài sản: Theo khoản 2 Điều 27 Luật SHTT đã được sửa đổi bổ sung 2009 thì thời hạn bảo hộ quyền tác giả là:

Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình.

Tác phẩm không thuộc loại hình quy định nêu trên có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Trường hợp tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết.

Thời hạn bảo hộ chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ quyền tác giả.

Như vậy, nếu hết thời hạn này thì tác phẩm sẽ thuộc về công chúng, tất cả mọi người ai cũng có thể sử dụng mà không cần thực hiện các nghĩa vụ về tài sản đối với Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm đó nhưng trong quá trình sử dụng, người sử dụng vẫn phải tôn trọng các quyền nhân thân của tác giả.

2.2. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG TỪ SAU KHI LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐƯỢC BAN HÀNH ĐẾN NAY

2.2.1. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

2.2.1.1. Biện pháp dân sự

Chủ thể có quyền yêu cầu thực hiện biện pháp này là chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả. Chủ thể áp dụng các biện pháp này là Tòa án nhân dân. Có thể áp dụng đồng thời với các biện pháp xử lý hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

- Khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân: Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân áp dụng các hình thức sau: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; Buộc xin lỗi, cải chính công khai; Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; Buộc bồi thường thiệt hại; Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại các tác phẩm đối với các hoạt động xâm phạm quyền tác giả với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền tác giả.

Việc chứng minh hành vi xâm phạm cũng được thực hiện như đối với tài sản hữu hình theo quy định của BLDS 2005. Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý rằng đối với những chủ thể xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số đang chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Và trường hợp tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả là cá nhân thì việc phát hiện và yêu cầu người xâm phạm quyền tác giả thực hiện các hành vi khắc phục vô cùng khó khăn.

Khi khởi kiện hoặc sau khi khởi kiện, chủ thể quyền tác giả có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo điều 207 Luật SHTT tuy nhiên trên thực tế việc áp dụng các biện pháp này khó phát huy tác dụng thi hành bởi việc vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số chủ yếu diễn ra trên mạng Internet và sao lưu, phát tán qua đĩa CD, mà các biện pháp khẩn cấp tạm thời trên rất khó kiểm soát được trên mạng Internet.

2.2.1.2. Biện pháp Trọng tài thương mại

Điều 198 Luật SHTT cho phép tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả khởi kiện ra trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, ngoài hình thức khởi kiện ra tòa án, chủ thể của quyền tác giả còn thêm một sự lựa chọn khác, đó là yêu cầu trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp khi cho rằng quyền tác giả của mình bị xâm phạm.

Tuy nhiên, hiện nay thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài chỉ trong phạm vi các tranh chấp về kinh doanh thương mại, chứ không giải quyết các tranh chấp dân sự do vậy các vụ việc tranh chấp về quyền tác giả mà cả hai bên đều là cá nhân không đăng ký kinh doanh, không có mục đích kinh doanh thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài.

Khác với hình thức khởi kiện ra tòa án, thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền tác giả chỉ thuộc thẩm quyền của Trọng tài chỉ có khi có thỏa thuận trước và thỏa thuận này phải không bị vô hiệu. Kể từ khi Luật thi hành án dân sự ra đời, các quyết định của trọng tài thương mại được tăng cường bằng biện pháp cưỡng chế thi hành của Nhà nước.

Trung gian hòa giải là việc sử dụng một bên có kinh nghiệm, am hiểu kiến thức về quyền tác giả để làm trung gian hòa giải cho các tranh chấp quyền tác giả. Trung gian hòa giải hiện chưa phổ biến trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại ở nước ta, tuy nhiên ưu điểm của biện pháp này trong việc giải quyết tranh chấp về quyền SHTT nói chung

và quyền tác giả là đáng quan tâm vì trung gian hòa giải có thể sử dụng trong bất kỳ giai đoạn nào của tranh chấp, thủ tục khá đơn giản và ít tốn kém chi phí. Tuy nhiên việc sử dụng trung gian hòa giải chỉ có hiệu quả khi cả hai bên tranh chấp đều có thiện chí giải quyết vụ việc và tự giác thực hiện.

2.2.1.3. Biện pháp hình sự

Chủ thể yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả phát hiện hành vi xâm phạm pháp luật hình sự về quyền tác giả. Cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng biện pháp hình sự là Tòa án nhân dân. *Hiện nay Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự đã bổ sung tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 170a) để thay thế Điều 131 của Bộ luật hình sự hiện hành quy định về tội xâm phạm quyền tác giả.* Bộ luật hình sự xác định đối với lĩnh vực quyền tác giả và các quyền liên quan thì chủ yếu áp dụng các biện pháp pháp luật dân sự và hành chính để giải quyết. Theo quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi xâm phạm quyền tác giả với quy mô thương mại có thể bị xử lý hình sự lên đến 3 năm tù. Tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào giải thích thế nào là quy mô thương mại, nhưng nhìn một cách tổng thể thì “quy mô thương mại” tức thiệt hại phải đáng kể, hành vi vi phạm trên mức xử lý hành chính, có tổ chức hoặc phạm tội nhiều lần.

Do đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự quy định chỉ xử lý về hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả với quy mô thương mại và giới hạn trong hai nhóm hành vi: sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy rất khó thực hiện việc bảo vệ quyền tác giả bằng các biện pháp hình sự bởi lẽ đa số các chủ thể vi phạm gây thiệt hại lớn với quy mô thương mại đều là các pháp nhân, tổ chức, các doanh nghiệp kinh doanh nội dung số trong khi đó BLHS lại không xử lý hình sự đối với trường hợp pháp nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm.

2.2.1.4. Biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính bao gồm: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp bị phát hiện có hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, tố cáo quyết định hành chính, hành vi hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả; Khởi kiện đến tòa Hành chính Tòa án nhân dân để yêu cầu giải quyết vụ án hành chính về quyền tác giả.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp bị phát hiện có hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả.

Một đặc điểm khác biệt giữa biện pháp xử phạt hành chính với hai biện pháp dân sự và hình sự là ngay cả khi chủ thể bị xâm phạm không yêu cầu áp dụng các cơ quan có thẩm quyền vẫn có thể tiến hành xử lý vụ việc.

Chủ thể áp dụng các biện pháp hành chính là những người có thẩm quyền tại các cơ quan nhà nước bao gồm: Ủy ban nhân dân các cấp; thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hải quan; Quản lý thị trường; Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển.

Ưu điểm của biện pháp này là áp dụng nhanh chóng, đơn giản về mặt thủ tục, tuy nhiên lại có hạn chế do thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính được chia ra cho nhiều cơ quan khác nhau nên làm cho hoạt động xử lý trở nên phức tạp. Mức xử phạt hành chính tối đa là 500 triệu đồng nói chung vẫn còn thấp so giá trị thiệt hại xảy ra nên việc hiệu quả xử lý, tính răn đe, phòng ngừa không nghiêm.

2.2.1.5. Biện pháp kiểm soát hàng hóa tại biên giới

Kiểm soát biên giới nhằm bảo hộ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ môi trường kinh doanh lành mạnh, ngăn chặn sự thâm nhập của bất kỳ loại hàng hóa giả mạo, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nào vào thị trường nội địa của các quốc gia đã trở thành yêu cầu không chỉ riêng cho hệ thống pháp luật của từng quốc gia, mà nó đã trở thành các cam kết quốc tế.

Mục đích của các quy định này ngoài việc đề cao yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, còn kiểm soát, ngăn chặn hàng hóa giả mạo cả trên thị trường nội địa và thị trường xuất, nhập khẩu.

Theo kinh nghiệm của các nước phát triển, đặc biệt là Nhật Bản, thì quốc gia này đã phát triển một hệ thống kiểm soát Hải quan đặc biệt để chống hàng giả mạo. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ có thể liệt kê các quyền sở hữu trí tuệ của họ vào hệ thống điện tử để Hải quan kiểm soát khi làm thủ tục cho các hàng hóa xuất nhập khẩu thông quan. Trong quá trình kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất, nhập khẩu ở Nhật Bản, Hải quan sẽ kiểm tra tất cả các loại hàng hóa kê khai làm thủ tục và đối chiếu với các quyền sở hữu trí tuệ đã đăng ký trong hệ thống điện tử để phát hiện và thu giữ những hàng hóa có dấu hiệu vi phạm. Hệ thống này tỏ ra rất có hiệu quả đối với các trường hợp bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa. Tuy nhiên, đối với việc bảo hộ bản quyền thì khó khăn hơn trong việc triển khai cơ chế thực thi vì chưa có hệ thống đăng ký điện tử. Vì vậy, việc kiểm soát biên giới dường như chỉ được tiến hành khi có sự phát hiện của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ báo rằng có việc nhập khẩu hàng hóa xâm phạm bản quyền và phương thức này chưa thật sự đảm bảo cho việc ngăn chặn hàng giả mạo vào thị trường nội địa một cách toàn diện và hiệu quả.

Đối với Việt Nam, đã có nhiều biện pháp, cơ chế tăng cường kiểm soát biên giới nhằm bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHCN. Đây là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ

thể quyền SHCN nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền SHTT thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

- Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT được tiến hành theo đề nghị của chủ thể quyền SHTT nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan.

Để yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHCN, người yêu cầu phải chứng minh mình là chủ thể quyền SHCN đối với nhãn hiệu và cung cấp đầy đủ thông tin để xác định hàng hóa bị xâm phạm quyền SHCN hoặc để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHCN. Ngoài ra, họ phải nộp đơn cho hải quan và nộp lệ phí, cam kết bồi thường thiệt hại và thanh toán các chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp kiểm soát trong trường hợp hàng hóa bị kiểm tra không vi phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu.

Thủ tục áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan được quy định tại điều 218 luật SHTT. Khi người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là mười ngày làm việc, kể từ ngày người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan có lý do chính đáng thì thời hạn này có thể kéo dài, nhưng không được quá hai mươi ngày làm việc. Khi kết thúc thời hạn nêu trên mà người yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan không khởi kiện dân sự và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với người xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng thì cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng và buộc người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan phải bồi

thường toàn bộ thiệt hại cho chủ lô hàng, thanh toán các chi phí cho cơ quan hải quan.

Đây là biện pháp có tính chất ngăn chặn các hành vi xâm phạm hay có nguy cơ xâm phạm quyền SHCN, nó giúp chúng ta kịp thời phát hiện và xử lý ngay các hành vi xâm phạm một cách nhanh chóng hơn nhất là ở khu vực giao lưu biên giới với các nước khác. Ở những khu vực này thì hoạt động vi phạm quyền SHCN diễn ra rất nhiều và ngày càng phức tạp nhất là khi nước ta đang trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, từng ngày giao lưu kinh tế với nhiều nước trên thế giới.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

2.2.2.1. Thực trạng vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam trong 5 năm 2007-2011

Vi phạm bản quyền trên Internet, môi trường kỹ thuật số, kể cả trong truyền thông là vấn đề cả thế giới đang quan tâm. Việc vi phạm quyền truyền đạt tác phẩm, cuộc biểu diễn trên môi trường kỹ thuật số rất nghiêm trọng, thực sự đáng báo động. Hầu hết các website kinh doanh về âm nhạc, đưa các tác phẩm lên chưa thực hiện nghĩa vụ của mình với chủ thể quyền tác giả.

Việc vi phạm này diễn ra ở một số nhóm loại quyền tác giả và với nhiều động cơ, có thể để lấy tiền quảng cáo, hay phục vụ việc cập nhật dữ liệu (download) của người tiêu dùng nhằm kiếm tiền, sinh lợi, nhưng không thanh toán tiền nhuận bút, thù lao cho người nắm giữ bản quyền. Các website cũng xâm phạm quyền của nhau, ví dụ sử dụng các tác phẩm, bản ghi từ một website khác về website của mình nhưng không có sự thỏa thuận, xin phép tác giả.

Vấn đề phát hiện, xử lý vi phạm cũng là thách thức cho cơ quan thực thi, vì việc này liên quan đến công nghệ. Có thể phân chia hành vi vi phạm quyền tác giả theo 5 lĩnh vực:

Lĩnh vực văn học trong môi trường kỹ thuật số

Phải khẳng định rằng, từ khi Công ước Berne có hiệu lực, thị trường xuất bản Việt Nam đã có những đổi thay theo hướng ngày càng chuyên nghiệp hơn với giá trị nội dung cũng như thương mại của sách ngày càng tăng. Tuy nhiên, đó mới là những thành quả bước đầu trong lĩnh vực chống sách lậu truyền thống. Vẫn còn một mảng vi phạm quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học khác hiện đang bị bỏ ngỏ - đó là sách không bản quyền trên mạng internet. Có thể kể ra các dạng vi phạm điển hình trong lĩnh vực này như: tiến hành số hóa các tác phẩm văn học; kinh doanh sách văn học điện tử (ebook) thông qua việc cho phép đọc, truy cập, sao chép và lưu trữ trên các website, sao chép cá nhân bằng các kỹ thuật hiện đại... mà không xin phép tác giả và không hề trả tiền bản quyền.

Nếu để làm lậu sách in cần phải qua nhiều công đoạn mất thời gian như sao chép, in ấn, phát hành... thì với các tác phẩm lan truyền trên mạng, việc copy ra nhiều bản cực kỳ đơn giản và hầu như không tốn mấy công sức, thời gian. Các website chia sẻ sách điện tử có "tên tuổi" như: thuvienebook.com, vnthuquan.com, songhuong.com.vn, ebook4u.vn, sahara.vn... còn có cả một đội ngũ tình nguyện viên chuyên ngồi gõ lại những cuốn sách hay và đang ăn khách trong nước để đưa lên mạng. Những ấn bản điện tử bất hợp pháp này thường có mặt trên internet chỉ sau khi phát hành bản in vài ngày. Số lượng tác phẩm văn học được đăng tải trọn vẹn tại các website này có thể nói rất lớn. Tất nhiên, mọi người đều biết rằng như thế là vi phạm bản quyền.

Năm 2010, khi tiến hành kiểm tra hai trang web bán sách nổi tiếng nhất nhì Việt Nam là www.sahara.com.vn và www.songhuong.com.vn, đoàn kiểm tra bao gồm Thanh tra Bộ VH-TT-DL, Phòng 8 (C15, Bộ Công an) và Cục Bản quyền tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam (VHNT VN) đã lập biên bản về sự vi phạm các tác phẩm văn học được đăng tải trọn vẹn trên

đây. Chỉ tính riêng sahara đã có gần 300 tác phẩm, còn tại songhuong số tác phẩm đã lên đến trên 1.000 tác phẩm. Điều đáng nói là số sách trên phần lớn không có bản quyền, trong đó có những tác phẩm nổi tiếng đang rất ăn khách trong nước như: Harry Potter, Mật mã Da Vinci, Điểm đối lừa, Đô-rê-môn, Thám tử lừng danh Conan...

Tuy nhiên, đối với những người sử dụng internet, chính việc trang web nhanmonquan phải hạn chế người truy cập mới là sự kiện vi phạm quyền tác giả văn học trong môi trường kỹ thuật số nổi bật nhất trong những năm vừa qua. Nhanmonquan từ trước đến nay luôn được xem là trang web chuyên truyện kiếm hiệp lớn nhất Việt Nam. Tiêu chí của trang web là kêu gọi bạn đọc chung tay dịch, đánh máy để có được những bản truyện mới nhất mà các NXB trong nước chưa thực hiện được. Cũng theo tiêu chí này, chỉ có những ai tham gia dịch, đánh máy mới có quyền đọc truyện trên trang web, nhưng thật chất các thành viên của trang Web này không phải là người dịch hay chủ sở hữu bản dịch, mà chỉ đánh máy và tung lên mạng (chẳng hạn như loạt sách của Cổ Long do Công ty Phương Nam giữ bản quyền) nên thật chất đây là một trang web vi phạm quyền tác giả khi đăng tải các tác phẩm văn học.

Độc giả tha hồ đọc không mất tiền. Các nhà xuất bản, các tác giả cũng đã có nhiều biện pháp để tự bảo vệ, nhưng có thể nói chưa đạt được hiệu quả cao do chưa có sự phối hợp đồng bộ, quyết liệt của các cơ quan chức năng. Nếu không may bị "sờ gáy" thì tội đa cũng chỉ bị phạt hành chính vài chục triệu đồng (như hai website vi phạm đã bị xử lý là www.songhuong.com.vn và www.sahara.vn) rồi chuyện đâu lại về đấy. Thực chất, không phải các cơ quan chức năng không biết đến tình trạng tràn lan cũng như tác hại của việc vi phạm bản quyền sách văn học trên mạng. Song đây là một hình thức vi phạm mới, địa bàn vi phạm ảo và rộng, thêm vào đó các chế tài xử lý chưa theo kịp thực tế, không đủ sức răn đe, khiến cho vi phạm ngày càng trở nên công khai và trắng trợn.

Theo thống kê của Trung tâm bảo hộ quyền tác giả văn học nghệ thuật, thì nhà văn Nguyễn Nhật Ánh là một trong những nhà văn có sách bị vi phạm bản quyền nhiều nhất trên mạng. Tại tất cả những trang web có đăng sách, truyện Nguyễn Nhật Ánh luôn được dành những vị trí ưu tiên.

Về vấn đề này các nhà văn có cùng có quan điểm là thời gian của nhà văn phải để dành cho sáng tác, săn tìm ý tưởng, tư liệu. Nhà văn không thể chạy theo bảo vệ bản quyền những đứa con tinh thần của mình nếu vẫn còn mong muốn sáng tác. Chuyện bản quyền đành trông chờ vào nhà xuất bản hoặc các cơ quan chức năng với pháp luật.

Trước tiên phải kể đến số lượng rất lớn những độc giả có thói quen thích "đọc sách không mất tiền". Chỉ vài cái "click" trên máy tính là có ngay những bản ebook trôi nổi của các cuốn sách "best-seller" hay bản sao chép của các tác phẩm, tác giả nổi tiếng. Đặc biệt, hiện nay trên thị trường ngày càng xuất hiện nhiều loại điện thoại thông minh, các thiết bị đọc điện tử di động hiện đại giúp cho việc đọc sách trên mạng trở nên dễ dàng và thoải mái hơn, khiến cho số người thích đọc các tác phẩm văn học từ các trang Web không mua bản quyền của các tác phẩm ngày càng nhiều hơn.

Bên cạnh đó, các tác giả - đặc biệt là tác giả trẻ, muốn lợi dụng công nghệ internet để trở nên nổi tiếng. Những người này tin rằng, các ấn bản miễn phí, kể cả là phi pháp, cũng sẽ đem đến một khối lượng độc giả lớn và mới cho mình. Nhiều người trong số họ công khai chấp nhận, thậm chí còn tiếp tay cho nạn xâm phạm tác quyền trên internet, coi đó là một phương thức hữu hiệu để lăng-xê tác phẩm, quảng bá tên tuổi của mình. Hiện tượng các tác giả có thỏa thuận ngầm với các trang Web là để cho các tác phẩm của họ được đăng tải, copy không phép, nhưng phải đề đầy đủ thông tin tác giả của tác phẩm và để đường link tới blog hoặc website nơi tác giả đó công bố.

Về phía các nhà xuất bản, cho dù bị ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm

trọng đến quyền lợi nhưng cũng chưa được lên tiếng mạnh mẽ về vấn đề này. Nhiều nhà xuất bản thừa nhận: bộ phận pháp lý của đơn vị không có đủ lực cũng như thời gian để kiểm tra xem website nào đã vi phạm bản quyền sách của mình và những tác phẩm nào đã bị sao chép bất hợp pháp. Cũng từng có một nhà xuất bản lớn thấy sách của mình chưa ra sạp đã đầy rẫy trên mạng liền yêu cầu các website dỡ bản ebook sao chép bất hợp pháp, nhưng kết quả là các ebook này không những không bị dỡ bỏ, mà chính nhà xuất bản còn bị các thành viên của mạng kêu gọi tẩy chay. Yếu tố này cũng làm cho các nhà xuất bản phải chấp nhận im lặng.

Cũng tại một Hội nghị về việc bảo hộ quyền tác giả, Tiến sĩ Vũ Mạnh Chu, Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng thừa nhận: “Việc xử phạt các vi phạm bản quyền hiện nay trong đó có cả bản quyền tác phẩm văn học trên mạng với mức xử chỉ là phạt hành chính, hoàn toàn không có tính răn đe, cảnh cáo”. Cũng chính vì việc không có các biện pháp chế tài cần thiết mà tình trạng vi phạm bản quyền trên mạng ngày càng trở nên công khai và trắng trợn, đến nỗi chính ông Chu cũng phải thừa nhận: “Các tác phẩm của tôi cũng bị vi phạm bản quyền tràn lan trên mạng”.

Lĩnh vực báo chí trong môi trường kỹ thuật số

Báo mạng điện tử – kết quả của sự tích hợp giữa công nghệ, Internet và ưu thế của các loại hình báo chí truyền thống đã tạo ra bước ngoặt, làm thay đổi cách truyền tin và tiếp nhận thông tin, nhanh chóng trở thành kênh truyền thông được nhiều người lựa chọn. Tuy nhiên, hiện nay thông tin trên báo mạng điện tử còn nhiều điều đáng bàn. Đặc biệt là tình trạng thông tin trên báo mạng điện tử nhiều nhưng trùng lặp do nạn “cắt – dán” (“copy – paste”) ngày một tăng và tinh vi hơn. Các quy định về đạo đức nghề nghiệp của nhà báo; các văn bản luật, dưới luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí nói riêng đều yêu cầu khi nhà báo, cơ quan báo chí sử

dụng số liệu, thông tin, bài, ảnh của cá nhân, tổ chức khác phải ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. Tuy nhiên, trên thực tế có thể dễ dàng bắt gặp các bài báo được sao chép, sử dụng một phần hay toàn bộ tin, bài, ảnh của các bài báo khác mà không nêu nguồn. Điều này xảy ra khá phổ biến, thường xuyên và nghiêm trọng trên các tờ báo mạng điện tử hoặc trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí. Nhiều tờ báo dịch tin, bài tràn lan từ các báo nước ngoài mà không ghi rõ tên tác giả và nguồn gốc của tác phẩm.; hoặc khi ghi nguồn theo kiểu như “theo báo A”, “theo báo B”,... thì không một độc giả nào, thậm chí là phóng viên có thể kiểm chứng thông tin hay tìm ra tờ báo gốc. Vì thế một số nhà báo có thể ngồi ở nhà sử dụng công cụ cắt cúp, chỉnh sửa, biên dịch lại bài của người khác, báo khác và biến chúng thành tin, bài của mình.

Điều này cũng xảy ra với tin, bài, ảnh trong nước, thể hiện sự yếu kém về chuyên môn, hạn chế về đạo đức nghề nghiệp, không tôn trọng bản thân và công chúng báo chí. Theo nhà báo Lê Nghiêm (Trưởng ban Báo Nhân dân điện tử), ở các nước phát triển, vấn đề này được coi là rất nghiêm trọng, có thể dẫn đến kiện tụng, gây thiệt hại rất lớn cho tờ báo vi phạm.

Một khía cạnh khác, quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí trở thành vấn đề nóng là bởi, trong khi báo chí tuyên truyền, phản ánh, cảnh báo tình trạng vi phạm quyền tác giả ở nhiều lĩnh vực khác, thì tình trạng vi phạm quyền tác giả trong chính lĩnh vực báo chí lại đang diễn ra rất phổ biến, đặc biệt là trên hệ thống báo điện tử và các trang thông tin điện tử do một số tổ chức và doanh nghiệp quản lý.

Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến tháng 3/2012, trong lĩnh vực thông tin điện tử, cả nước có 61 báo, tạp chí điện tử, 191 mạng xã hội và có tới hơn 1.000 trang thông tin điện tử tổng hợp.

Vấn đề là, việc quản lý hoạt động của lĩnh vực này còn những hạn chế, bất cập, khiến nhiều trang tin điện tử không có chức năng báo chí, nhưng lại

dùng chức năng của báo chí để hoạt động và kinh doanh, có trường hợp gây ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, gây rối loạn định hướng trong xã hội.

Trong khi đó, không khó để chỉ ra những hành vi vi phạm quyền tác giả báo chí đang diễn ra tràn lan, công khai trong lĩnh vực thông tin điện tử, từ việc sao chép nguyên văn các báo điện tử và báo in chính thống, không ghi rõ nguồn tin, đến giật lại tít, cắt cúp theo hướng giật gân, câu khách, làm biến dạng, thậm chí sai lệch bản chất thông tin.

Các nhà báo sao chép, xào xáo, thay tên đổi họ các tác phẩm của người khác để rồi đăng báo, thậm chí là bê nguyên xi đang diễn ra khá phổ biến trên báo điện tử, mạng Internet. Tác giả Trần Ngọc Thái Sơn đã từng viết một bài báo về việc khảo sát các báo điện tử sử dụng bài của nhau, theo tác giả là tương đối chính xác, và để kiểm tra, tác giả luôn click vào 5 bài viết bất kỳ trong hai mươi kết quả đầu tiên từ Google để kiểm tra cụm từ khoá có thực sự là trích dẫn nguyên xi không. Kết quả 100% trường hợp đều xác nhận là cụm từ khoá nằm dưới cùng của bài viết, nghĩa là đăng lại chứ không phải trích dẫn.

Qua cuộc khảo sát năm tờ báo điện tử, tác giả Thái Sơn đã đưa ra bảng thống kê như sau:

	T.Trẻ	T.Niên	VnE	Vn.Net	Dân Trí	24h	Tổng
Theo Tuổi trẻ		913	6500	2640	668	5920	16641
Theo Thanh niên	641		6310	789	554	1470	9764
Theo VnExpress	1580	1800		3340	1130	873	8723
Theo VietnamNet	1770	1490	0		1180	2080	6520
Theo Dân Trí	46	70	61	411		35	623
Theo 24h	63	290	2	618	212		1185
Tổng	4100	4563	12873	7798	3744	10378	43456

Ghi chú:

- Số liệu hàng ngang thể hiện tờ báo nào đăng nguyên xi bao nhiêu bài của báo nào. (Ví dụ: Thanh niên đăng của Tuổi trẻ 913 bài, VnExpress đăng của Tuổi trẻ 6500 bài).

- Tổng của hàng ngang thể hiện một tờ báo bị năm tờ còn lại đăng tất cả bao nhiêu bài. (Ví dụ: báo Tuổi Trẻ bị năm tờ báo còn lại đăng tất cả 16.641 bài của Tuổi Trẻ; Thanh Niên bị năm tờ báo còn lại đăng tất cả 9.764 bài của Thanh Niên).

Tổng của hàng dọc thể hiện một tờ báo đã đăng bao nhiêu bài của báo khác. (Ví dụ: Tuổi Trẻ đã đăng tất cả 4.400 bài của báo khác; Thanh Niên đã đăng tất cả 4.563 bài của báo khác).

Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng, sáu tờ báo điện tử khá phổ biến, ăn khách nhất hiện nay (Tuổi Trẻ, Thanh Niên, VnExpress, VietnamNet, Dân Trí, 24h) vẫn có tình trạng vi phạm bản quyền.

Tình trạng nói trên đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các cơ quan báo chí chính thống, có sự đầu tư nghiêm túc, xứng đáng về con người và kỹ thuật để nâng cao chất lượng tác phẩm và hiệu quả thông tin báo chí.

Lĩnh vực phần mềm máy tính

Tình trạng vi phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính hiện nay đã phổ biến trên toàn thế giới. Trong báo cáo thường niên của Liên minh các doanh nghiệp phần mềm (BSA) và Hiệp hội công nghiệp phần mềm và thông tin (SIIA) đã đưa ra những con số thống kê về việc vi phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính như sau, theo công bố của Liên minh phần mềm thương mại (BSA) thì năm 1994, Việt Nam là nước vi phạm bản quyền CTMT cao nhất thế giới với tỉ lệ 100%, trong khi đó khu vực có tỉ lệ vi phạm bản quyền thấp nhất thế giới như Bắc Mỹ là dưới 30% cũng đã thất thoát tới 4

ti USD. Năm 2004, Việt Nam vẫn là một trong những nước vi phạm bản quyền CTMT có tỉ lệ cao nhất - 92% (tỷ lệ vi phạm bản quyền bình quân của thế giới là 35%, trị giá 32,695 tỉ USD). Tuy giá trị vi phạm của Việt Nam chỉ khoảng 55 triệu USD, rất nhỏ nếu so với Trung Quốc (tỷ lệ vi phạm 90%, trị giá 3 tỷ 565 triệu USD) nhưng con số 92% đủ khiến các doanh nghiệp phần mềm lo ngại và buộc phải đắn đo, tính toán khi có ý định đầu tư vào ngành công nghiệp được xem là có nhiều triển vọng này.

Bảng 2.2: Tình hình vi phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính ở khu vực Châu Á qua 5 năm(2007-2011)

Tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm

Giá trị thương mại của phần mềm không bản quyền(triệu \$)

	2011	2010	2009	2008	2007	2011	2010	2009	2008	2007
Asia Pacific										
Australia	23%	24%	25%	26%	28%	\$763	\$658	\$550	\$613	\$492
Bangladesh	90%	90%	91%	92%	92%	\$147	\$137	\$127	\$102	\$92
Brunei	67%	66%	67%	68%	67%	\$25	\$19	\$14	\$15	\$13
China	77%	78%	79%	80%	82%	\$8,902	\$7,779	\$7,583	\$6,677	\$6,664
Hong Kong	43%	45%	47%	48%	51%	\$232	\$227	\$218	\$225	\$224
India	63%	64%	65%	68%	69%	\$2,930	\$2,739	\$2,003	\$2,768	\$2,025
Indonesia	86%	87%	86%	85%	84%	\$1,467	\$1,322	\$886	\$544	\$411
Japan	21%	20%	21%	21%	23%	\$1,875	\$1,624	\$1,838	\$1,495	\$1,791
Malaysia	55%	56%	58%	59%	59%	\$657	\$606	\$453	\$368	\$311
New Zealand	22%	22%	22%	22%	22%	\$99	\$85	\$63	\$75	\$55
Pakistan	86%	84%	84%	86%	84%	\$278	\$217	\$166	\$159	\$125
Philippines	70%	69%	69%	69%	69%	\$338	\$278	\$217	\$202	\$147
Singapore	33%	34%	35%	36%	37%	\$255	\$233	\$197	\$163	\$159
South Korea	40%	40%	41%	43%	43%	\$815	\$722	\$575	\$622	\$549
Sri Lanka	84%	86%	89%	90%	90%	\$86	\$83	\$77	\$97	\$93
Taiwan	37%	37%	38%	39%	40%	\$293	\$252	\$227	\$201	\$215
Thailand	72%	73%	75%	76%	78%	\$852	\$777	\$694	\$609	\$468
Vietnam	81%	83%	85%	85%	85%	\$395	\$412	\$353	\$257	\$200
Other AP	91%	91%	90%	91%	91%	\$589	\$576	\$303	\$69	\$56
TOTAL AP	60%	60%	59%	61%	59%	\$20,998	\$18,746	\$16,544	\$15,261	\$14,090

Năm 2007 tỉ lệ vi phạm bản quyền CTMT ở Việt Nam là 85%, vẫn đang nằm trong 10 quốc gia có tỉ lệ vi phạm cao nhất. Tuy nhiên, để có được con số 85% này là cả một nỗ lực lớn của cả một hệ thống các cơ quan chức năng trong những năm qua đã vào cuộc với hàng loạt vụ thanh tra, xử phạt tại các cửa hàng băng đĩa, công ty kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, phân phối máy tính, tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục việc sử dụng CTMT có bản quyền vì năm 1994, Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ vi phạm bản quyền CTMT cao nhất thế giới với tỉ lệ 100%.

Năm 2007, tỷ lệ vi phạm bản quyền CTMT của Việt Nam chỉ còn 85%, với thiệt hại 200 triệu USD. Tuy nhiên, 85% vẫn là một con số quá cao so với tỷ lệ vi phạm chung trên thế giới (38%), và dù tỷ lệ có giảm nhưng tổng thiệt hại lại tăng cao hơn gấp 4,1 lần.

Năm 2011 tỷ lệ xâm phạm CTMT đã hạ xuống 4% so với năm 2007. Tuy nhiên điểm đáng lưu ý là sự gia tăng giá trị vi phạm từ 200 triệu USD năm 2007 lên 395 triệu USD năm 2011 thể hiện sự tinh vi và mức độ nghiêm trọng của các vi phạm. Lý do giá trị vi phạm quyền tác giả đối với CTMT của Việt Nam tăng trong những năm qua, theo đại diện của BSA là do sự tăng trưởng mạnh của tiêu thụ máy tính ở nhóm người tiêu dùng cá nhân - thường có tỷ lệ vi phạm quyền tác giả đối với CTMT cao.

Lĩnh vực quyền tác giả âm nhạc, bản ghi âm, ghi hình trên Internet

Các doanh nghiệp kinh doanh âm nhạc trên internet đã có ý thức mua bản quyền của Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam và Hiệp hội công nghiệp ghi âm Việt Nam, tuy nhiên đối với các tác phẩm và bản ghi âm, ghi hình thuộc chủ sở hữu nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam khó tiếp cận trong việc đàm phán, giá cả hay phương thức thanh toán.

Theo một thống kê mới được công bố tại buổi tọa đàm “Nhạc số Việt Nam” được Hiệp hội ghi âm Việt Nam tổ chức vào ngày 15/8/2012 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì Việt Nam có đến ¼ dân số (hơn 20 triệu người) thường xuyên truy cập vào các trang web trực tuyến tải và nghe nhạc. Tuy nhiên, chỉ có 5% trong số đó trả tiền, 85% không trả tiền và 10% là đang lằng lững giữa việc trả tiền hay không. Cũng theo thống kê này, hiện Việt Nam có hơn 150 trang web kinh doanh nhạc số vi phạm bản quyền, hầu hết trong số các trang web đó đều không được cấp phép trong việc cho người dùng tải về các sản phẩm âm nhạc, như các công ty: Công ty cổ phần Yêu âm nhạc, Công ty cổ phần Tập đoàn ViNa và Công ty TNHH Truyền thông PI, Công ty Cổ phần

bạch Minh, Công ty Quảng cáo 24h, Công ty CP Nhạc Của Tui, CTCP Dịch vụ công nghệ thông tin NAISCORP và Công ty Cổ phần Tầm tay.

- Một số vụ việc tranh chấp bản quyền nhạc số:

+ Tranh chấp giữa trang “Nhacso.net” của FPT Online với Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam (RIAV).

Ngày 8-7-2008, FPT Online (nhacso.net) có công văn gửi các chủ sở hữu các website cung cấp dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các tác phẩm âm nhạc trên mạng Internet bao gồm yeuamnhac.com, nhac.vui.vn, socbay.com, inghe.vn, pops.vn, miu.vn, nhaccuatui.com, mp3.zing.vn... khẳng định, trung tâm âm nhạc trực tuyến của FPT Online đang là đối tác duy nhất có được sự ủy thác độc quyền kinh doanh bản quyền các bản ghi trên môi trường Internet của hầu hết các hãng băng đĩa uy tín và có số lượng bài hát lớn nhất Việt Nam. Và ở thời điểm hiện tại, FPT Online chỉ mới cấp phép cho duy nhất Công ty Yahoo! Việt Nam quyền sử dụng các bản ghi trên môi trường Internet.

Tuy nhiên, theo phía Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam (RIAV), Hiệp hội mới là đơn vị duy nhất có được sự ủy thác quyền từ phía các hãng băng đĩa ghi âm, do đó việc thông tin của FPT Online đưa ra là sai thực tế.

Khi đó, sự tranh chấp đã gây căng thẳng mối quan hệ giữa RIAV và FPT Online. Bên nào cũng cho mình đúng, có quyền đại diện cho ca sĩ, nhạc sĩ, nhà sản xuất với các đối tác và đòi phân xử thông qua tòa án. Tuy nhiên, cuối cùng sự việc không đi đến đâu. Bản thân, Nhacso.net cũng bắt đầu đi xuống và người dùng dần bỏ sang những trang nhạc khác được đầu tư công phu và kỹ lưỡng hơn như NhạcCuaTui hay Zing MP3.

Không chỉ RIAV, ngày 26/8/2008, Liên đoàn Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI) có văn bản gửi FPT Online thông báo website (forum/gate.vn/nhacso) thuộc quản lý của đơn vị này, vi phạm bản quyền khi đưa các tệp tin nhạc quốc

té lên website của mình mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu bao gồm gần 100 ca khúc được liệt kê, đa số là các ca khúc quốc tế do các ca sĩ tên tuổi thực hiện như Madonna, Mariah Carey (For The Record), Katy Perry (I Kissed A Girl), Pussycat Dolls (When I Grow Up)...

+ Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam (RIAV) khởi kiện Nokia và dịch vụ IPTV của FPT Telecom.

Ngày 27-10-2008, RIAV công bố đã thu thập đủ chứng cứ và tuyên bố khởi kiện Nokia cùng dịch vụ IPTV của Công ty FPT Telecom, vì đã sử dụng các bản ghi âm nhằm mục đích thương mại mà chưa được sự chấp thuận của các hãng băng đĩa là hội viên của RIAV.

Theo RIAV, hầu hết sản phẩm phát trên IPTV không trả tiền bản quyền cho các nhà sản xuất. Trong khi đó để quảng bá cho sản phẩm Nokia 5320 ra mắt hồi tháng 8/2008, Nokia đã tặng kèm cho khách hàng mua điện thoại này một thẻ tải nhạc. Thẻ này cho phép khách hàng tải miễn phí 1.000 ca khúc từ trang <http://mp3.nhacso.net/nokia> thuộc Công ty cổ phần trực tuyến FPT - FPT Online.

Tuy nhiên, theo RIAV, trong số 10.644 ca khúc trong kho nhạc này có rất nhiều ca khúc thuộc quyền sử dụng của các thành viên của hiệp hội và các thành viên này chưa hề bán hay cho phép nhacso.net quyền khai thác, sử dụng.

Để giải quyết sự việc này, Nokia Đông Nam Á đã liên hệ trực tiếp RIAV để thỏa hiệp.

+ Ca sĩ Mỹ Tâm kiện việc sử dụng bài hát làm nhạc chuông điện thoại.

Cuối tháng 8/2009, Công ty TNHH Dịch vụ giải trí Mỹ Tâm đã gửi văn bản đến Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV) và một số công ty dịch vụ viễn thông, mạng điện thoại di động MobiFone, VinaPhone, Viettel... thông báo việc “thanh toán thù lao quyền liên quan”.

Trong văn bản, ca sĩ Mỹ Tâm cho rằng nhiều đơn vị sử dụng quyền liên quan (tức quyền của người biểu diễn trong các bản ghi âm, ghi hình - gọi tắt

là quyền của người biểu diễn) của cô trong dịch vụ nhạc chuông, nhạc chờ và một số dịch vụ khác để kinh doanh thương mại.

Sau đó, tất cả các đơn vị kinh doanh nhạc chuông, nhạc chờ đồng ý trả tiền cho ca sĩ Mỹ Tâm với tư cách là “người biểu diễn”. Số tiền Mỹ Tâm thu được từ quyền biểu diễn khoảng gần 1 tỷ đồng.

+ Ca sĩ Thái Thùy Linh kiện 8 trang nhạc vi phạm bản quyền.

Tháng 7/2011, ca sĩ Thái Thùy Linh thông qua Trung tâm Bảo vệ Quyền tác giả Âm nhạc Việt Nam (VCPMC) gửi công văn đến 8 trang web nhacvui.vn, nhacso.net, nhaccuatui, mp3.xalo.vn, music.go.vn, showbiz.xzone.vn, mp3.zing.vn và yeucahat.com đã đăng tải ca khúc với mục đích kinh doanh không xin phép của cô đòi tiền bản quyền lên đến gần 400 triệu đồng. Lý do, sau nửa năm phát hành, album “Bộ đội” của Thái Thùy Linh chỉ bán được 300 bản, trong khi đó lượng nghe/tải lên đến gần 700.000.

Đại diện VCPMC cho biết, sau khi nhận được 2 công văn của VCPMC, phần lớn các đơn vị đều có phản hồi, dừng vi phạm và đề nghị thương lượng bồi thường theo thỏa thuận riêng.

- Ngày 30/8/2011, Công ty Cổ phần Nhạc của tui đã ký kết thỏa thuận sử dụng bản quyền âm nhạc với hai hãng ghi âm quốc tế là Universal Music và Sony Music là bước khởi đầu cho việc thương thức âm nhạc có bản quyền tại Việt Nam. Tuy nhiên, sự kiện này cũng cho thấy các hãng ghi âm quốc tế đang chú ý đến vấn đề bản quyền tại thị trường âm nhạc Việt Nam.

- Tháng 8/2011 Công ty TNHH phần mềm và giải pháp mạng Hanet (Quảng Ninh) đã thực hiện yêu cầu của Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc về bản quyền âm nhạc đối với sản phẩm đầu Hanet Karaoke. Công ty đã trả số tiền truy thu 42.000.000 đồng và xây dựng Hợp đồng sử dụng quyền tác giả âm nhạc cho sản phẩm của mình.

Lĩnh vực băng đĩa có nội dung ca nhạc, sân khấu

Hiện nay, nạn sao chép lậu, vi phạm bản quyền trong lĩnh vực băng đĩa có nội dung ca nhạc, sân khấu rất phổ biến và công khai.

Nhiều cửa hàng bán băng đĩa lậu một cách ngang nhiên từ những thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đến những khu vực nông thôn. Theo công bố của Hiệp hội ghi âm Việt Nam tại Hội nghị ngày 15/8/2012 thì trong vòng 5 năm từ năm 2007 – 2011 sản lượng băng đĩa do hiệp hội sản xuất ra giảm đến 80% do tình trạng đĩa lậu, tải nhạc miễn phí trên Internet và điện thoại di động. Đặc biệt tình trạng vi phạm quyền tác giả trong lĩnh vực băng đĩa được tổ chức thực hiện với một tốc độ nhanh chóng chẳng hạn như chương trình liveshow của Phương Thanh do VTV tổ chức đã có đĩa lậu được bán tại... sân diễn ngay sau khi chương trình vừa chấm dứt.

Tình trạng vi phạm bản quyền tác giả vẫn diễn ra hết sức phức tạp trên nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các tác giả và việc Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia các công ước về bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, việc kiểm tra, phát hiện, xử lý của các cơ quan quản lý nhà nước chưa được quan tâm thực hiện đúng mức.

2.2.2.2. Thực tiễn thực thi và áp dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp dân sự và xử lý hình sự trong việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số tại Tòa án nhân dân

Thực tiễn xét xử vừa qua những hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phải truy cứu trách nhiệm hình sự hầu hết là các tội sản xuất và buôn bán hàng giả. Các tội này khi đưa ra xét xử các Tòa đều áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Về Thẩm quyền xét xử, tùy theo mức độ nghiêm trọng, các bị cáo bị viện kiểm sát truy tố theo các điểm khoản của các điều luật cụ thể. Nếu khung có hình phạt tối đa là 15 năm sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện. Trên 15

năm thuộc thẩm quyền của Toà án tỉnh. Toà án tỉnh vừa xử phúc thẩm án của Toà án huyện bị kháng cáo, vừa xét xử sơ thẩm theo thẩm quyền. Ba Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm án của Toà án tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị. Đối với các bản án đã có hiệu lực bị phát hiện có sai lầm thì Uỷ ban Thẩm phán Toà án tỉnh giám đốc án của Toà án huyện. Toà Hình sự Toà án nhân dân tối cao giám đốc án của Toà án tỉnh. Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao giám đốc án của Toà Hình sự và ba Toà phúc thẩm thuộc Toà án nhân dân tối cao.

Như vậy về mặt pháp luật, các văn bản luật hoặc dưới luật, của Nhà nước ta ban hành đã điều chỉnh toàn bộ và căn bản các hoạt động, cũng như giải quyết các tranh chấp và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện nay tại nước ta.

Tuy nhiên không thể phủ nhận có những vấn đề việc hướng dẫn còn phức tạp, chưa đầy đủ, và có cả việc chòng chéo, cả trong tổ chức quản lý và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Qua việc tổng kết thực tiễn giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng tại toà án nhân dân có một số hạn chế, bất cập và nảy sinh những vấn đề khó khăn, vướng mắc như sau:

- Thời gian giải quyết kéo dài

Theo quy định tại Điều 179 của BLTTDS, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự là 4 tháng, đối với các vụ án kinh doanh - thương mại là 2 tháng, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì có thể gia hạn nhưng không quá 2 tháng đối với vụ án dân sự và 1 tháng đối với vụ án kinh doanh thương mại. Trên thực tế, qua công tác nghiên cứu thực tiễn các vụ việc, đa số các vụ việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả tại Tòa án thường bị kéo dài. Điều này xuất phát từ tính đặc thù của các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả là loại việc tương đối phức tạp, đòi hỏi trong quá

trình giải quyết vụ án, các Tòa án thường phải trung cầu ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các cơ quan chức năng có liên quan để có kết luận đối với hành vi xâm phạm nên trong nhiều trường hợp Tòa án phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử. Thậm chí có trường hợp Tòa án còn phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do cần chờ kết quả trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các cơ quan chuyên môn.

Chẳng hạn như quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 08/2010/QĐST-DS ngày 18/3/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với vụ án dân sự thụ lý số 59/2009/TLST-DS ngày 02/10/2009 về tranh chấp quyền tác giả giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Khoan, trú tại Số 2 ngõ 219/18 tổ 25 đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với bị đơn là Hãng phim Hội nhà văn Việt Nam.

Có thể nói, thời gian giải quyết kéo dài là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền tác giả e ngại trong việc khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước các hành vi xâm phạm. Thay vào đó, họ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm để đảm bảo việc chấm dứt kịp thời, nhanh chóng các hành vi xâm phạm đó.

- Thiếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả.

Giống như quyền yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được hoặc bảo đảm việc thi hành án của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là một trong những ưu điểm của biện pháp dân sự so với các biện pháp hình sự và hành chính, tuy nhiên, các quy định của pháp luật hiện hành về

biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả còn chưa thực sự hữu hiệu.

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm có 12 biện pháp sau đây:

“1. Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm.

4. Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

5. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sa thải người lao động.

6. Kê biên tài sản đang tranh chấp.

7. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

8. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.

9. Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hoá khác.

10. Phong toả tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong toả tài sản ở nơi giữ giữ.

11. Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ.

12. Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định”.

Trong số 12 biện pháp nêu trên thì trong quan hệ tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, chủ thể quyền chỉ có thể yêu cầu Tòa án áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây: kê biên tài sản đang tranh chấp; phong toả tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong toả tài sản của người có nghĩa vụ; cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định.

Điều 207 Luật Sở hữu quy định bổ sung một số biện pháp khẩn cấp tạm

thời áp dụng đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá đó, bao gồm:

- *Thu giữ;*
- *Kê biên;*
- *Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển;*
- *Cấm chuyển dịch quyền sở hữu.*

Như vậy có thể thấy các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật hiện hành có thể áp dụng trong các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả là tương đối ít, đặc biệt là các biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự chưa được cụ thể hóa đối với các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nào, mà còn mang tính chung chung. Điều này đã gây không ít khó khăn cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả trong việc yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Các quy định của pháp luật hiện hành về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa góp phần làm ngăn chặn một cách nhanh chóng, kịp thời các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả. Điều này cũng đồng nghĩa với việc ưu thế về quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của biện pháp dân sự chưa được phát huy trên thực tiễn. Thực tiễn giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả trong những năm qua, có rất ít trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào từ phía các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả.

Như vậy, với thời gian giải quyết kéo dài cộng với việc các hành vi xâm phạm chưa được ngăn chặn một cách kịp thời có thể là nguyên nhân dẫn đến việc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ e ngại việc khởi kiện ra Tòa án để xử lý bằng biện pháp dân sự mà thay vào đó, họ chọn việc xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hành chính.

- Năng lực giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng được yêu cầu

Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả là lĩnh vực pháp luật còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam. Mặc dù trong thời gian qua ngành Tòa án cũng đã có sự quan tâm đúng mức đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật sở hữu trí tuệ, quyền tác giả cho đội ngũ cán bộ Thẩm phán, song do tính phức tạp và đa dạng của các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đặc biệt là quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nên một số Thẩm phán vẫn gặp không ít khó khăn trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các vụ án tranh chấp về quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số vì khó đảm bảo khả năng chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đồng thời am hiểu lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ thông tin.

Vì vậy, trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả thì kết quả trung cầu giám định hoặc kết luận các yếu tố vi phạm của cơ quan có thẩm quyền về việc có hay không có hành vi xâm phạm quyền quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả có giá trị quan trọng để Tòa án dùng làm căn cứ giải quyết các vụ án về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả được chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

Bên cạnh đó, việc nhìn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan chức năng nhiều khi không thống nhất được quan điểm. Như vụ kiện của Công ty Foremost Việt Nam đối với Công ty TNHH công nghiệp Trường Sinh về tranh chấp nhãn hiệu sản phẩm sữa đặc có đường "Trường Sinh". Từ năm 1996 đến năm 2002, các cơ quan có thẩm quyền như Cục Sở hữu trí tuệ, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Bộ Thương mại, Bộ Y tế có những quan điểm khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau.

Cũng chính vì sự thiếu thống nhất về quan điểm giữa các cơ quan chức năng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ này đã dẫn tới nhiều trường hợp, sau khi có phán quyết của Tòa án cấp phúc thẩm đối với vụ án rồi nhưng các bên đương sự vẫn viện dẫn các ý kiến đối lập với loại ý kiến được tham khảo để ra phán quyết để tiếp tục khiếu nại, yêu cầu xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến ổn định xã hội.

- Khó khăn trong việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra

Trước khi Luật sở hữu trí tuệ được ban hành, hầu như không có văn bản nào quy định về các căn cứ pháp lý để xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả. Do đó, đại đa số các trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại của mình hoặc xác định không chính xác mức bồi thường thiệt hại và không được Tòa án chấp nhận.

Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành đã bổ sung các quy định quan trọng về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 204) và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 205), tuy nhiên do tính chất đặc thù của loại tài sản “quyền sở hữu trí tuệ” nên nhiều trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại hoặc xác định không đầy đủ về những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế (có thể nhiều hơn hoặc ít hơn thiệt hại thực tế xảy ra). Các căn cứ để xác định thiệt hại về vật chất như mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại hoặc các thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ trên thực tế là rất khó để xác định một cách chính xác và đầy đủ. Do vậy, khi giải quyết những vấn đề này Tòa án đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc xác định thiệt hại

để có được phán quyết chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

2.2.2.3. Thực tiễn thực thi và áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong việc bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Đánh giá đúng thực trạng vi phạm và tác động tiêu cực của việc vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số, Nhà nước ta cũng đã liên tục tiến hành các hoạt động nhằm giảm tỷ lệ xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Theo thống kê của Cục Bản quyền tác giả, trong giai đoạn 2007 – đến nay, đặc biệt là hai năm (2010 – 2011), Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an thành lập các đoàn thanh tra tiến hành thanh tra đột xuất 119 doanh nghiệp (trong đó có doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp tư nhân) tại một số tỉnh, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng, Vĩnh phúc và Long An... với tổng số máy tính kiểm tra 4.660 chiếc, phát hiện nhiều phần mềm được sao chép sử dụng bất hợp pháp microsoft widows XP, windows 7, windows server, Autocad, adobe photoshop, mtd 2002.... Đoàn thanh tra yêu cầu doanh nghiệp tháo gỡ toàn bộ các phần mềm vi phạm bản quyền, tiến hành mua để sử dụng bản quyền phần mềm máy tính hợp pháp.

Qua hậu kiểm, theo tổng hợp báo cáo các hợp đồng mua bản quyền phần mềm của 2/3 doanh nghiệp gửi về Thanh tra Bộ với tổng giá trị mua bản quyền phần mềm khoảng 2.281.683,00 USD. Góp phần giảm tỉ lệ vi phạm bản quyền từ 83% (2010) xuống 81% (2011).

Trong 5 tháng đầu năm 2012, Thanh tra Bộ đã tiến hành thanh tra đột xuất 32 doanh nghiệp, trong đó 21 doanh nghiệp nộp phạt 820.000.000 đồng, cảnh cáo 02 doanh nghiệp; chỉ có 01 doanh nghiệp không vi phạm.

Trong lĩnh vực quyền tác giả âm nhạc, bản ghi âm, ghi hình trên Internet, những năm qua, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành kiểm tra, phát hiện các vụ việc vi phạm và đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 227.000.000 đồng đối với các tổ chức: Công ty cổ phần Yêu âm nhạc, Công ty cổ phần Tập đoàn ViNa và Công ty TNHH Truyền thông PI, Công ty Cổ phần Bạch Minh, Công ty Quảng cáo 24h, Công ty CP Nhạc Của Tui, CTCP Dịch vụ công nghệ thông tin NAISCORP và Công ty Cổ phần Tầm tay về việc các website lưu trữ, cung cấp và phổ biến đến công chúng một số lượng lớn các bản ghi âm không được sự đồng ý của thành viên Liên đoàn Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI).

Liên quan đến việc vi phạm và xử lý hành vi vi phạm quyền tác giả âm nhạc trên mạng Internet, đầu năm 2009 Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam đã khiếu nại với Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Công ty cổ phần dịch vụ trực tuyến FPT chủ sở hữu website <http://mp3.nhacso.net> và <http://mp3.nhacso.net/nokia> đã sử dụng bản ghi âm tác phẩm âm nhạc mà không được sự đồng ý bằng văn bản. Ngày 20/4/2009 tại cơ quan Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bên đã có biên bản thoả thuận tự nguyện trả tiền sử dụng bản ghi âm, ghi hình tác phẩm âm nhạc cho chủ sở hữu quyền liên quan, đại diện là Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam với tổng số tiền là 6.233.500.000VND.

Trong lĩnh vực vi phạm quyền tác giả đối với băng đĩa có nội dung ca nhạc, sân khấu, từ năm 2007 – 2011, Thanh tra các Sở văn hoá, thể thao và du lịch phối hợp với lực lượng chuyên ngành xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất lậu, các cơ sở phát hành và các cửa hàng bán lẻ các loại đĩa CD, VCD, DVD. Các vụ điển hình gần đây: Năm 2009, Thanh tra Sở VH-TTDL tỉnh Hải Dương thu giữ 20.600 các loại đĩa đang trên đường mang đi tiêu thụ; Năm 2010, Thanh tra Sở VH-TTDL thành phố Hà Nội thu 123.000 đĩa tại một số

cửa hàng cho thuê băng đĩa; Năm 2011, Đoàn kiểm tra liên ngành văn hoá xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm tra hành chính căn nhà số 588 Trần Hưng Đạo phát hiện ổ tàng trữ đĩa lậu với số lượng lên đến hơn 100.000 đĩa và kiểm tra 04 cơ sở tại khu chợ điện tử Nhật Tảo thu giữ khoảng 125 bao tải đĩa không rõ nguồn gốc, không dán tem; Năm 2011, Thanh tra Sở VH TTDL tỉnh Gia Lai phối hợp với công an tỉnh thu 1.959 đĩa có nội dung đồi trụy

- Thanh tra Bộ phối hợp với Thanh tra Sở VH TTDL thành phố Hà Nội thành lập hai đoàn kiểm tra 12 hộ kinh doanh doanh đĩa có nội dung trò chơi điện tử trên địa bàn Hà Nội, đã phát hiện các trường hợp vi phạm bản quyền tác giả, tiến hành xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là: 24.000.000. Tịch thu và tiêu hủy 5.692 chiếc.

Mặc dù hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm được tăng cường, nhưng tình trạng vi phạm bản quyền vẫn diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực từ báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình, âm nhạc, điện ảnh, sân khấu cho đến các lĩnh vực ghi âm, tín hiệu vệ tinh... Đặc biệt, nổi lên hiện nay là vấn đề bảo hộ bản quyền trong môi trường kỹ thuật số.

Từ đó có thể đánh giá thực tiễn thực thi biện pháp dân sự, hình sự và hành chính có một số hạn chế:

- Khó chứng minh được hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số;

- Khó xác định được thiệt hại vì thông tin, nội dung các tác phẩm đưa lên môi trường kỹ thuật số không nhằm mục đích thu phí người đọc, người xem mà chủ yếu để thu hút quảng cáo và thu tiền từ quảng cáo.

- Khi bị phát hiện hành vi vi phạm quyền tác giả, quản trị website dễ dàng, nhanh chóng gỡ, hủy được thông tin vi phạm.

- Thủ tục khiếu kiện theo pháp luật Việt Nam còn khó khăn, đặc biệt là quy định yêu cầu người khởi kiện phải có các chứng cứ chứng minh.

- Các cơ quan chức năng được giao nhiệm vụ giải quyết việc vi phạm quyền tác giả còn chông chéo, không rõ chức năng.

- Chưa có chuyên môn cao và chuyên sâu trong lĩnh vực bảo vệ quyền tác giả, đặc biệt là bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.

- Người bị vi phạm, xâm phạm quyền tác giả chưa yêu cầu đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho mình.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số áp dụng pháp luật xử lý chưa nghiêm.

Mặc dù, chúng ta đã ban hành nhiều văn bản quy định và tham gia nhiều điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Tuy nhiên, có thể thấy tình hình vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số tuy còn mới mẻ, nhưng đã trở thành vấn đề phức tạp và phổ biến trong xã hội.

Qua việc phân tích những nội dung cơ bản của quyền tác giả, quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số và thực tiễn thực thi việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số của nước ta kể từ khi Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ ban hành cho thấy hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh quan hệ về quyền tác giả nói chung, đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể và những người liên quan trong quá trình tham gia vào việc sáng tạo và sử dụng các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên cũng như phân tích trên, hiện nay các quy định hiện hành về bảo hộ quyền tác giả, đặc biệt là bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số đã xuất hiện những vấn đề bất cập xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau nên cần phải được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với những đặc điểm đặc thù riêng của quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Bảo hộ quyền tác giả là vấn đề không chỉ riêng quốc gia nào. Tuy nhiên, đối với nước ta bảo hộ quyền tác giả là cả vấn đề nan giải, khó khăn. Không phải ngẫu nhiên và không hẳn chỉ để hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, mà xuất phát từ thực tiễn xã hội và sự đòi hỏi trong việc quản lý xã hội cần phải các công cụ để quản lý, bảo hộ quyền tác giả nên nhà nước ta đã xây dựng và ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ quyền tác giả nói riêng.

Ngoài các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định 47/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 và số 109/2011/NĐ-CP ngày 02/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 47/2009/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan. Trong các văn bản này đã đưa ra nhiều biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả, chế tài các hành vi vi phạm quyền tác giả.

Đặt trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay thì việc ngăn chặn, xóa bỏ hoàn toàn vi phạm quyền tác giả, đặc biệt là ngăn chặn hành vi vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số là không khả thi mà chỉ tìm ra giải pháp hạn chế và giảm vi phạm quyền tác giả xuống mức thấp nhất có thể. Do đó, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nói chung, bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ như sau:

3.1. NHU CẦU CÀN HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

3.1.1. Xuất phát từ nhu cầu hội nhập quốc tế

Với chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với quá trình đổi mới, Việt Nam đã từng bước tiến hành hội nhập quốc tế và đã thu được nhiều kết quả tích cực. Việt Nam chủ trương tiếp tục hội nhập quốc tế sâu và rộng hơn, nhằm tạo tác động lớn hơn tới sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Có thể thấy vấn đề hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số là một yêu cầu quan trọng góp phần thúc đẩy vấn đề thực thi bảo hộ quyền tác giả của Việt Nam; đẩy mạnh hoạt động sáng tạo của người dân Việt Nam nhằm phát huy nội lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước nhà.

Đây có thể được coi là một bước đột phá về mặt nhận thức của Nhà nước ta trên lĩnh vực này, mở ra một giai đoạn mới trong tiến trình hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền tác giả vốn được coi là một bộ phận cấu thành của quyền sở hữu tài sản trí tuệ, loại tài sản vô hình đang ngày càng chiếm tỷ lệ áp đảo trong giá trị của hàng hóa.

Yêu cầu phát triển phát triển nền kinh tế tri thức của nước ta đòi hỏi phải đẩy mạnh hội nhập quốc tế về vấn đề bảo hộ quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số; tận dụng các cơ hội do tiến trình toàn cầu mang lại về vốn, tri thức, công nghệ, kinh nghiệm tổ chức và quản lý... nhằm nâng cao năng lực nội sinh về sáng tạo khoa học công nghệ và văn học nghệ thuật.

3.1.2. Xuất phát từ nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam

Hành lang pháp lý về bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan Việt Nam thời gian qua đang dần được hoàn thiện; trong thời gian ngắn, Việt Nam cũng đã tham gia nhiều điều ước quốc tế về bảo hộ quyền tác giả. Việc thực hiện quyền tác giả ở Việt Nam đang đã được tôn trọng.

Để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường thuật số, chúng ta cần tập trung giải quyết một số vấn đề:

Một là, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phải điều chỉnh hết các quan hệ xã hội ở cả 2 khía cạnh quyền tác giả và môi trường kỹ thuật số, mạng internet. Đồng thời, các vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền tác giả phải được pháp luật quy định và hướng dẫn thi hành một cách cụ thể, chi tiết.

Hai là, phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật thể hiện sự thống nhất của nó. Pháp luật bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phải phù hợp với Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, đảm bảo sự thống nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật; phải không có mâu thuẫn, trùng lặp hay chồng chéo; văn bản của cấp dưới không được trái với văn bản của cấp trên, kể cả về nội dung và hình thức.

Ba là, nội dung pháp luật về bảo hộ quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phải phù hợp với thực tiễn của đời sống xã hội. Thực tế cho thấy rằng, sự điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật sẽ không có hiệu quả nếu pháp luật đó không gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, do bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số là vấn đề còn mới đối với Việt Nam, nên trong chừng mực nhất định, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số cần phải đưa ra các quy phạm pháp luật mang tính chất đột phá để mở đường, gây dựng những quan hệ xã hội mới, định hướng cho hoạt động bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số phát triển.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả phải được tiến hành một cách khoa học, đúng nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung và trình tự thủ tục ban hành.

3.1.3. Xuất phát từ nhu cầu bảo hộ quyền tác giả đối với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả

Mặc dù hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm được tăng cường, nhưng tình trạng vi phạm bản quyền vẫn diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực từ báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình, âm nhạc, điện ảnh, sân khấu cho đến các lĩnh vực ghi âm, tín hiệu vệ tinh... Đặc biệt, nổi lên hiện nay là vấn đề bảo hộ bản quyền trong môi trường kỹ thuật số, như trình bày ở những phần trên, có những vụ việc nghiêm trọng đã đưa nhau ra tòa và yêu cầu được xử lý.

Hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả, đặc biệt là bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số cần phải tiếp tục được hoàn thiện. Song, về cơ bản đã đồng bộ, tương thích với điều ước quốc tế và luật pháp các quốc gia. Tuy nhiên tình trạng vi phạm bản quyền tác giả vẫn diễn ra phức tạp bởi nhiều nguyên nhân.

Trong đó nguyên nhân quan trọng và khách quan hơn cả là nhận thức nói chung của cộng đồng đang ở giai đoạn phôi cập nên ý thức tôn trọng bản quyền tác giả vẫn ở chừng mực nhất định. Đặc biệt, những cá nhân, tổ chức dù đã hiểu biết nhưng vẫn cố tình vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền tác giả là rào cản cho việc thực thi có hiệu quả quyền tác giả trong thực tế.

Trong bối cảnh internet đang ngày càng phát triển, vấn đề vi phạm bản quyền tác giả lại càng trở nên bức thiết. Tình hình vi phạm bản quyền internet, môi trường kỹ thuật số, kể cả trong truyền thông là vấn đề cả thế giới đang quan tâm. Hầu hết các website kinh doanh về âm nhạc, sách điện tử, nội dung số... đưa các tác phẩm lên chưa thực hiện nghĩa vụ của mình với chủ thể quyền tác giả.

Họ đưa lên với nhiều động cơ, có thể để lấy tiền quảng cáo, hay phục vụ việc download của người tiêu dùng nhằm kiếm tiền, sinh lợi, nhưng không thanh toán tiền nhuận bút, thù lao cho người nắm giữ bản quyền.

Các website cũng xâm phạm quyền của nhau, ví dụ sử dụng các tác phẩm, bản ghi từ một website khác về website của mình nhưng không có sự thỏa thuận, xin phép tác giả.

Vấn đề phát hiện, xử lý vi phạm cũng là thách thức cho cơ quan thực thi. Bởi vì việc này liên quan đến công nghệ, đòi hỏi trang bị các kiến thức điều tra mạng, vào mạng để điều tra các hành vi xâm phạm quyền tác giả, nhưng các lực lượng chức năng vẫn chưa vươn tới để đáp ứng yêu cầu kiểm tra, xử lý.

3.2. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

3.2.1. Sự cần thiết ban hành một văn bản pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan, phải được xác định là một khâu quan trọng hàng đầu hiện nay, là giải pháp có tính đột phá tạo hành lang pháp lý để quản lý, thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

Việc bảo hộ quyền tác giả nói chung còn tồn tại những bất cập xuất phát từ những đặc thù riêng trong môi trường kỹ thuật số như đã phân tích tại chương II nên áp dụng những quy định hiện hành bảo hộ quyền tác giả dành cho việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số là chưa phù hợp.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Trên cơ sở đã nêu trên, pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số nói riêng cần phải tiếp tục được hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng nhu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội nước ta hiện nay. Bên cạnh việc kiến nghị ban hành một văn bản pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số, chúng tôi kiến nghị cần

hoàn chỉnh các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tố tụng đối với việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, nhằm tạo ra cơ chế giải quyết thuận lợi, nhanh chóng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Cần nâng cao vai trò của việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, vì quyền sở hữu trí tuệ là chế định pháp luật dân sự, thuộc quan hệ pháp luật dân sự. Việc áp dụng quá nhiều các biện pháp hành chính hoặc hình sự hóa đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như hiện nay là chưa thực sự hợp lý. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật nội dung về sở hữu trí tuệ cũng cần được chú trọng, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, tránh tình trạng nhận định thiếu thống nhất (ngay cả giữa các cơ quan chức năng về sở hữu trí tuệ) như hiện nay, gây khó khăn cho việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án như hiện nay.

Bên cạnh đó cần phải nhanh chóng xúc tiến thành lập tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý xâm phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo.

3.3. CÁC KIẾN NGHỊ CHỦ YẾU ĐỐI VỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

3.3.1. Nâng cao năng lực kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Cần đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị tổ chức, doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh nội dung số.

Công tác thanh tra, kiểm tra có vai trò to lớn trong việc phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ

thuật số. Tuy nhiên hiện nay việc thanh tra kiểm tra quyền tác giả mới được thực hiện tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ tập trung vào một số trang Website hoặc doanh nghiệp kinh doanh nội dung số. Các hoạt động này cần làm thường xuyên, triển khai đồng bộ trong phạm vi cả nước. Thực tế cho thấy qua những chiến dịch kiểm tra, thanh tra thì những hành vi xâm phạm đã được đẩy lùi một bước, nhưng nếu không làm thường xuyên, không đồng bộ thì không hiệu quả.

3.3.2. Nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng

Để nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng các tác phẩm, bản ghi âm, cần tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật về quyền tác giả, đặc biệt là việc sử dụng các tác phẩm trên mạng với các biện pháp sau:

Thứ nhất, việc tuyên truyền, phổ biến quyền tác giả có thể được thực hiện nhiều hình thức như: các cuộc tọa đàm, diễn đàn, hội thi, hội nghị, hội thảo... nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức và người dân về quyền tác giả, ý thức chấp hành pháp luật, quyền lợi và nghĩa vụ của từng chủ thể trong việc bảo vệ quyền tác giả.

Thứ hai, đưa nội dung giáo dục về quyền tác giả vào trong môn pháp luật đại cương bậc đại học, cao đẳng để nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên. Phổ biến quyền tác giả một cách dễ hiểu nhất trên các sách, báo, tạp chí... đặc biệt là việc sử dụng mạng Internet, môi trường kỹ thuật số để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền tác giả, công khai lên các phương tiện thông tin những thiệt hại do vi phạm gây ra để người sử dụng nhận thấy tầm quan trọng trong việc bảo hộ quyền tác giả.

Thứ ba, các hiệp hội, tổ chức bảo vệ quyền tác giả thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, báo cáo tình hình hoạt động, công khai minh bạch

công tác quản lý để củng cố uy tín trong xã hội, tạo niềm tin cho các hội viên và định hướng được nhận thức của người dân trong vấn đề quyền tác giả.

3.3.3. Nâng cao năng lực xét xử của Tòa án trong giải quyết tranh chấp và xét xử các vụ án về xâm phạm quyền tác giả trong môi trường KTS

Mặc dù phát triển khá sớm tại các nước phát triển, tuy nhiên tại Việt Nam bảo hộ quyền SHTT chỉ mới quan tâm trong khoảng 5 năm trở lại đây, trong hệ thống đào tạo cử nhân luật môn học quyền SHTT vẫn còn khá mới mẻ. Do vậy, hầu như đa số các thẩm phán của chúng ta hiện nay chưa được học về quyền SHTT trong chương trình đại học, hoặc chỉ là một phần rất nhỏ mang tính chất giới thiệu do vậy đội ngũ thẩm phán hiện nay của chúng ta vẫn chưa thật sự nắm chắc các kiến thức và hiểu biết về quyền SHTT nói chung và quyền tác giả, và đó cũng là một trong những vấn đề quan trọng cần phải kiến nghị để nâng cao hiệu quả thực thi của bảo hộ quyền tác giả trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp cũng như xét xử các vụ án hình sự của Tòa án:

Thứ nhất, cần tăng cường việc tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị trao đổi về những vấn đề giải quyết tranh chấp quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số và xem như đó như là một diễn đàn để các cán bộ, thẩm phán trong ngành Tòa án trao đổi kiến thức, nêu lên những khó khăn, bất cập trong công tác giải quyết án của mình. Ngoài ra, cần khuyến khích đội ngũ cán bộ thẩm phán rèn luyện thêm kiến thức về SHTT thông qua các lớp học bồi dưỡng kiến thức SHTT như đại diện sở hữu công nghiệp, các lớp đào tạo, huấn luyện về SHTT... trong và ngoài nước để cung cấp, cập nhật thêm kiến thức.

Thứ hai, bảo hộ quyền tác giả trên mạng với những đặc thù riêng về kỹ thuật khoa học công nghệ, tính toàn cầu hóa nên đội ngũ cán bộ, thẩm phán tòa án nên tự mình trao đổi kiến thức về ngoại ngữ, tin học để tự mình cập nhật các thông tin cần thiết. Vì quyền SHTT là lĩnh vực tương đối phức tạp và

đa dạng, nên mỗi tòa án cần có chế độ tuyển chọn và đào tạo một số lượng nhất định các thẩm phán chuyên về SHTT để đáp ứng yêu cầu xét xử của mỗi Tòa. Đồng thời tiến tới mô hình có các Thẩm phán chuyên xét xử về các tranh chấp về quyền SHTT.

Thứ ba, mặc dù hiện nay số lượng các vụ án về quyền SHTT được đưa ra xét xử tại tòa án chưa nhiều nhưng với xu hướng gia tăng các vụ xâm phạm quyền SHTT cũng như quyền tác giả thì việc thành lập Tòa án chuyên trách về quyền SHTT là cần thiết để việc giải quyết các vụ án về SHTT. Thời gian đầu, có thể lập tòa chuyên trách ở một số tỉnh thành lớn có nhiều vụ việc xâm phạm quyền SHTT như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

Thứ tư, Tòa án nhân dân tối cao cần thường xuyên thực hiện việc tổng kết công tác thực tiễn công tác xét xử xử các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, trên cơ sở đó tổ chức rút kinh nghiệm về nghiệp vụ giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ để phổ biến cho Tòa án nhân dân các cấp.

Thứ năm, cần đầu tư cho việc cải cách và hiện đại hóa hệ thống thông tin tư liệu về SHTT như thư viện điện tử về SHTT nhằm đáp ứng trước hết cho nhu cầu tra cứu phục vụ cho việc xét nghiệm đơn, tránh trùng lặp trong cấp văn bằng bảo hộ. Thực tế cho thấy những bất cập về thông tin của cơ quan thẩm định luôn dẫn đến việc bảo hộ không đúng đối tượng, khiến Tòa án rất lúng túng khi giải quyết các tranh chấp.

3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo hộ và bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số

Môi trường Internet có tính chất toàn cầu, quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số là một đối tượng SHTT có phạm vi sử dụng, khai thác vượt ra khỏi sự kiểm soát của một quốc gia, do đó cần có một môi quan hệ hợp tác quốc tế chặt chẽ:

Thứ nhất, tăng cường việc tham gia ký kết các điều ước quốc tế về thực

thi quyền tác giả đồng thời nghiêm chỉnh thực thi các điều ước về quyền tác giả mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác của Tổ chức SHTT thế giới, các tổ chức quốc tế liên quan, kinh nghiệm của các quốc gia nhằm tiếp thu những kinh nghiệm về lập pháp, quản lý và thực thi QTG.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường việc đào tạo đội ngũ chuyên gia về SHTT tại nước ngoài, nhất là chuyên gia về quyền tác giả gắn với môi trường kỹ thuật số ở các nước tiên tiến như Mỹ, Nhật, EU.... Có chế độ tuyển chọn thích hợp đội ngũ nhân lực đang hoạt động từ tất cả các lĩnh vực từ giáo dục cho đến các cơ quan hành chính, và đặc biệt là đội ngũ cán bộ tại các cơ quan tư pháp Tòa án, Viện kiểm sát.

Thứ ba, tạo các điều kiện thuận lợi để hợp tác với các quốc gia và tổ chức nước ngoài về SHTT, trong đó có quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Tích cực gia thực hiện các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc tăng cường bảo hộ SHTT tại Việt Nam.

Do những tồn tại khách quan và chủ quan, hệ thống pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền tác giả còn chứa nhiều bất cập hay nói cách khác cũng có thể chưa thay đổi, hoàn thiện kịp với nhu cầu phát triển của xã hội. Những kiến nghị, đề xuất được đưa ra trong nội dung của luận văn này chưa thể hoàn thiện toàn bộ những vấn đề còn tồn tại của pháp luật hiện nay về bảo hộ quyền tác giả. Điều quan trọng nhất để bảo hộ quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số được hiệu quả, theo chúng tôi, đó là phải có sự phối hợp giữa Nhà nước, các tổ chức, hiệp hội quản lý tập thể quyền tác giả, các tác giả, người sử dụng tác phẩm và toàn xã hội: Nhà nước có trách nhiệm tạo một môi trường pháp lý hoàn chỉnh, dễ hiểu và thực hiện cho các bên khi tham gia vào quan hệ pháp luật về bảo hộ quyền tác giả; các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả cần cân nhắc, tính toán khi đưa ra một chủ trương, biện pháp quản lý và chi phí hợp lý cho

việc sử dụng các tác phẩm; người sử dụng tác phẩm cần tôn trọng những thành quả lao động tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả trong quá trình sử dụng vào bất kỳ mục đích gì: kinh doanh, nghiên cứu, học tập,...; Sự quan tâm của xã hội trong việc tạo ra những nếp sống, thói quen tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả cũng là một yếu tố quan trọng hình thành văn hóa đảm bảo và thực thi quyền tác giả tại Việt Nam.

KẾT LUẬN

Công nghệ thông tin phát triển và mạng Internet ra đời đã tạo ra một môi trường thương mại điện tử phổ biến trên thế giới, kể cả đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả. Tuy nhiên bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số và vấn đề còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam và vẫn chưa dành được sự quan tâm của xã hội đúng như tầm quan trọng của nó. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, các vấn đề về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn thực thi cũng như kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật đã lần lượt được nêu lên dưới góc độ nhận thức của cá nhân tác giả trên cơ sở tham khảo một số quan điểm chung hiện nay về vấn đề bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Dựa trên cơ sở lý luận đó, những vấn đề pháp lý về quyền tác giả lần lượt được đề cập trong luận văn đưa ra một cái nhìn tương đối khái quát về thực trạng bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số ở nước ta. Từ đó, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện khung pháp lý về quyền tác giả và quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số. Đồng thời có thể rút ra một kết luận rằng vấn đề cân bằng lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và người sử dụng tác phẩm là một trong những yếu tố quyết định đem lại hiệu quả cho việc bảo hộ quyền tác giả. Nghĩa là pháp luật phải có những quy định làm giao thoa hài hòa lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và người sử dụng; phải tìm ra một cơ chế bảo hộ thích hợp nhất để một mặt vừa khuyến khích được tác giả đầu tư sáng tạo ra nhiều tác phẩm và tác phẩm có giá trị, đảm bảo được lợi ích vật chất cũng như tinh thần của họ; mặt khác, tạo điều kiện cho người sử dụng được tiếp cận, sử dụng, thưởng thức tác phẩm một cách hợp pháp, góp phần vào sự phát triển văn hóa của đất nước. Một khi lợi ích được cân bằng dù chỉ là tương đối thì chắc chắn việc xâm phạm quyền tác giả sẽ giảm đi đáng kể.

Với những nội dung trên, hi vọng đề tài "***Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo pháp luật Việt nam***" sẽ góp phần nhỏ bé trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHTT, quyền tác giả ở nước ta.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh, *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại*. Đề tài NCKH (2002).
2. Nguyễn Thị Quế Anh, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ trên thế giới và phương hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ ở Việt nam*. Đề tài NCKH (2005).
3. Nguyễn Thị Quế Anh, *Chỉ dẫn địa lý - đối tượng quyền sở hữu công nghiệp*. Bài viết trong sách chuyên khảo: “Nhà nước và pháp luật Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI”. Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Thị Quế Anh, *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ*. Bài viết trong sách chuyên khảo: “Về việc thực thi Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ”. Nxb Chính trị Quốc gia, 2002.
5. Nguyễn Thị Quế Anh, *Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ*. Bài viết trong sách chuyên khảo: “Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền”. Nxb ĐHQGHN, 2004.
6. Cẩm nang sở hữu trí tuệ- Tổ chức sở hữu trí tuệ quốc tế WIPO, do Cục sở hữu trí tuệ phát hành, 2001.
7. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật 1886.
8. Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp 1883.
9. Công ước ROME về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng (1961).
10. Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC).
11. Công ước WIPO về thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới 1967.

12. Các Nghị định của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền tác giả và Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
13. Lê Hồng Hạnh, Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 2004.
14. Trần Văn Hải, *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quyền tiếp cận tri thức trong nền kinh tế tri thức*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: *Nhà nước và khoa học trong nền kinh tế tri thức hiệu quả*, Hà Nội.
15. Trần Văn Hải, *Phân cấp quản lí nhà nước về sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: *Phân cấp quản lí và cải cách hành chính – Kinh nghiệm quốc tế và những gợi ý với Việt Nam*, Hà Nội.
16. Trần Văn Hải, *Một số phân tích về tình trạng xâm phạm và tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*. Tạp chí *Thông tin và dự báo Kinh tế – Xã hội*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 31 – 7/2008.
17. Trần Văn Hải, *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của WTO: lợi ích quốc gia hay uy tín quốc tế*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Vai trò của Nhà nước Việt Nam 2 năm sau khi gia nhập WTO* do Trường Đại học KHXH&NV và Viện KAZ (CHLB Đức) tổ chức 10.2009.
18. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) 1995.
19. Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về quan hệ thương mại (chương II).
20. Hiệp định song phương Việt Nam - Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.
21. Đoàn Đức Lương, *Giáo trình Pháp luật Sở hữu trí tuệ* - Nhà xuất bản Đại học Huế, năm 2011.

22. Đoàn Đức Lương, Tài liệu giảng dạy Sở hữu trí tuệ trong các trường Đại học, cao đẳng lĩnh vực khoa học giáo dục, đề tài cấp Bộ trọng điểm (2008).
23. Lê Nét, *Quyền sở hữu trí tuệ*-Tập bài giảng, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
24. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam: Bộ luật dân sự 2005.
25. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam: Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ 2009.